

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT

Luật Đất đai luôn đóng vai trò trung tâm trong hệ thống pháp luật của bất kỳ quốc gia nào, bởi đất đai là một nguồn tài nguyên hữu hạn và có giá trị lớn. Điều này là cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa của đất đai, đặc biệt trong bối cảnh tăng cường phát triển kinh tế và đô thị hóa. Luật Đất đai 2024 quy định Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện là căn cứ để lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Để đánh giá lại kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất, tiến độ triển khai các công trình, dự án của Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và xác định chỉ tiêu các loại đất, vị trí, diện tích các công trình, dự án có sử dụng đất thực hiện trong năm 2025 nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là một bước quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa của đất đai trong tương lai.

UBND thị xã Tân Châu tiến hành lập **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu** trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

2.1. Mục đích

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất, các công trình, dự án đã được phê duyệt, kết quả thực hiện các chỉ tiêu và các công trình, dự án; điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất và các công trình, dự án để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Phát triển hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu dân cư nông thôn, thương mại dịch vụ, quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, giao thông, thủy lợi,... sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Làm cơ sở để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu phải được lập bám sát với thực tế sử dụng đất cũng như tình hình, xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã; đảm bảo đúng quy định về thời gian, tiến độ và tính khả thi của kế hoạch.

2.2. Yêu cầu

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh đã phân bổ cho thị xã trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã và nhu cầu sử dụng đất

cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

Đối với công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch.

- Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã.

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Thu thập các tài liệu, liệt kê các số liệu, bản đồ, thông tin về toàn bộ các nội dung của dự án làm cơ sở để điều tra, thu thập bổ sung dữ liệu, đối soát số liệu đã có về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất; thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải tỏa, tái định cư,... theo phương án kế hoạch sử dụng đất của thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được từ các Sở, ngành, phòng ban, các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất, tiến hành phân loại theo nhóm, thống kê diện tích theo từng loại đất cho từng công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch hoặc chưa thực hiện theo kế hoạch hoặc hủy bỏ; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án Kế hoạch sử dụng đất và từng quy hoạch ngành. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất và hoàn chỉnh các biểu mẫu, bản đồ, phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Sau khi xây dựng xong dự thảo Kế hoạch sử dụng đất thì tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp các ban ngành thị xã và hội đồng thẩm định tỉnh. Hoàn chỉnh hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất trình phê duyệt.

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 34 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).
- Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Tân Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thị xã Tân Châu đến năm 2035;
- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Tân Châu đến năm 2035;
- Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu thị xã Tân Châu;
- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh An Giang.

- Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành danh mục dự án có thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2023;
- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa năm 2024;
- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023; bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành danh mục dự án có thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2023;
- Căn cứ Công văn số 3188/STNMT-ĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.
- Báo cáo số 2212/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu. Về tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.
- Các tài liệu, bản đồ, số liệu thống kê đất đai của thị xã.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các Sở, ngành cấp tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký danh mục các dự án, công trình thực hiện trong năm 2025 theo quy định.
- UBND thị xã Tân Châu tổ chức thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, UBND các xã, phường, các ban ngành cấp huyện và hộ gia đình, cá

nhân đăng ký danh mục các dự án, công trình và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thực hiện trong năm 2024 theo quy định.

- Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh An Giang là đơn vị tư vấn lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Tân Châu.

VI. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục của báo cáo gồm các phần sau:

Đặt vấn đề.

Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Phần IV: Giải pháp thực hiện.

Kết luận và kiến nghị.

VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH

Sản phẩm của Kế hoạch được thực hiện theo quy định Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu (05 bộ).

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu, tỷ lệ 1/25.000 (05 bộ).

- Đĩa CD lưu trữ các sản phẩm trên.

Các sản phẩm trên, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt sẽ được lưu trữ tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 01 bộ;

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang: 01 bộ;

- Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu: 01 bộ;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Châu: 02 bộ.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thị xã Tân Châu là một trong ba đô thị của tỉnh An Giang với tổng diện tích tự nhiên 17.672,94 ha, chiếm 5,00% so với tổng diện tích toàn tỉnh. Dân số toàn thị xã 140.863 người, mật độ dân số bình quân đạt 797 người/km².

Địa giới hành chính của thị xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Phía Tây giáp huyện An Phú;
- Phía Nam giáp huyện Phú Tân và thành phố Châu Đốc;
- Phía Bắc giáp tỉnh Kandal thuộc Vương quốc Campuchia.

Toàn thị xã có 14 đơn vị hành chính bao gồm 5 phường: Long Châu, Long Hưng, Long Phú, Long Sơn, Long Thạnh và 9 xã gồm: Phú Lộc, Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa, Tân Thạnh, Tân An, Long An, Châu Phong, Phú Vĩnh, Lê Chánh.

Thị xã Tân Châu là đô thị loại III của tỉnh An Giang, có cửa khẩu biên giới Vĩnh Xương đây là cửa khẩu đường sông duy nhất trên biên giới Việt Nam với Vương quốc Campuchia, là cửa ngõ giao thương kinh tế quan trọng các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với các nước thượng nguồn thuộc lưu vực sông Mê Kông. Đồng thời, đây cũng là bàn đạp vững chắc để thị xã thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực trong tương lai.

Địa hình tất cả đều là đồng bằng, địa bàn thị xã có các tuyến Đường tỉnh 951, 952, 953 và 954 chạy qua nên thuận lợi cho giao thông đường bộ. Bên cạnh đó, giao thông đường thủy cũng phát triển khá mạnh do hệ thống sông ngòi dày đặc như: sông Hậu, sông Tiền, sông Cái Vừng, kênh Xáng,...

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Tân Châu là vùng đất đầu nguồn sông Tiền, địa hình chủ yếu là đồng bằng phù sa, khá bằng phẳng thích hợp cho sản xuất nông nghiệp. Trước đây, vào mùa nước nổi đồng ruộng bị ngập từ 1 - 3 mét, gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân. Hiện nay, thị xã đã có hệ thống đê bao khép kín nên phần lớn diện tích đất sản xuất được quanh năm, chỉ còn khoảng 10% diện tích còn bãi và phần giáp Campuchia là chịu ngập lũ.

1.1.3. Khí hậu

Thị xã Tân Châu nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt cao và đều quanh năm. Một năm được chia thành hai mùa rõ rệt gồm: Mùa mưa và mùa khô. Nhìn chung, khí hậu khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, thích hợp cho các loại cây trồng như cây lúa và cây màu các loại.

1.1.4. Chế độ thủy văn

Chế độ thủy văn ở Tân Châu phụ thuộc vào chế độ bán nhật triều của biển Đông và chịu ảnh hưởng trực tiếp các yếu tố dòng chảy của sông Tiền và sông Hậu, chế độ mưa, đặc điểm địa hình và hình thái kênh rạch. Nguồn nước được cung cấp trực tiếp từ sông Tiền và sông Hậu với lưu lượng trung bình năm là 13.500 m³/giây, vào thị xã thông qua các kênh rạch tự nhiên và kênh thủy lợi trên địa bàn, đảm bảo đủ nước mặt phục vụ sản xuất, sinh hoạt và vận tải thủy.

Hàng năm vào mùa mưa, lượng nước từ thượng nguồn sông Mê Kông đổ về gây ngập tràn phần lớn diện tích đồng ruộng của thị xã từ tháng 8 đến tháng 10, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân. Tuy nhiên, mùa nước nổi cũng có mặt tích cực như mang lại nguồn phù sa và vệ sinh đồng ruộng, cải thiện chất lượng đất, mang lại nguồn lợi thủy sản và tạo công ăn việc làm cho một bộ phận nông dân trong mùa nước nổi.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo tài liệu Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang thực hiện, trên địa bàn thị xã Tân Châu có các loại đất chính, cụ thể như sau:

Bảng 1: Các loại đất chính trên địa bàn thị xã Tân Châu

STT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất phù sa đang phát triển, glây, dinh dưỡng khá	FLdg	1.334,00	7,55
2	Đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi	GLmf	6.787,00	38,42
3	Đất phù sa bồi phát triển khá, có dấu tích đường nứt dọc, dinh dưỡng kém	GLuh	7.664,00	43,39
4	Các loại đất không phân tích		1.887,95	10,64
Tổng			17.672,95	100,00

(Nguồn: Tài liệu Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang, 2006)

1.2.2. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của thị xã bao gồm nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm và nguồn nước mưa:

a) Nguồn nước mặt

Tài nguyên nước mặt của thị xã được cung cấp từ sông Tiền, sông Hậu, các kênh cấp I trên địa bàn. Chất lượng nguồn nước mặt chưa cao, tuy nhiên có thể phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt (*qua xử lý*). Vào mùa khô lượng nước ở các tuyến kênh cấp II, cấp III và kênh mương nội đồng xuống thấp (*khoảng tháng 3 hàng năm*) gây tình trạng thiếu nước, cần quan tâm nạo vét thường xuyên nhằm đảm bảo đủ nước cho sản xuất của người dân khu vực này.

b) Nguồn nước ngầm

Nguồn nước ngầm có ý nghĩa rất quan trọng đối với cư dân sinh sống xa sông, kênh, rạch. Nguồn nước ngầm chỉ khai thác, sử dụng rải rác ở các khu vực nông thôn, người dân sử dụng các giếng khoan để khai thác nước ngầm phục vụ cấp nước sinh hoạt.

c) Nguồn nước mưa

Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm với lượng mưa rất cao, chiếm trên 90% tổng lượng mưa của năm. Nguồn nước mưa chủ yếu được người dân tận dụng vào sản xuất nông nghiệp là chính. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này rất khó kiểm soát, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết hàng năm.

1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Cát sông được xem là tài nguyên khoáng sản của thị xã Tân Châu. Thời gian qua, việc khai thác tài nguyên cát sông đã góp phần đáng kể cho nhu cầu xây dựng và san lấp mặt bằng. Hoạt động khai thác khoáng sản ở thị xã Tân Châu trong thời gian qua đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như đóng góp cho ngân sách, tạo việc làm cho lao động tại chỗ, cung cấp nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình xây dựng trong tỉnh, ngoài ra còn cung ứng một phần cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn thị xã Tân Châu có 10 khu di tích lịch sử gồm 2 di tích cấp quốc gia là chùa Giồng Thành (Phường Long Sơn) và Thánh đường hồi giáo Mubarat với nét kiến trúc nghệ thuật độc đáo tọa lạc tại xã Châu Phong, cùng với 08 khu di tích lịch sử cấp tỉnh gồm: Đình Châu Phong, đình Long Phú, miếu Hội, đình Tân An, đình Vĩnh Hòa, chùa Bửu Sơn Kỳ Hương, Núi Nổi - Phù Sơn Tự, Giồng Trà Dền,... Hàng năm, đến những ngày lễ hội thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

- **Về tín ngưỡng:** Người dân trên địa bàn thị xã Tân Châu chủ yếu theo các tín ngưỡng như: Phật giáo, Hoà hảo, Cao đài, Hồi giáo, Công giáo, Bửu sơn kỳ hương, Tứ ân hiếu nghĩa, Tin lành và Đạo khác, không đạo.

Bên cạnh đó, thị xã thường tổ chức khá nhiều lễ hội của các dân tộc như: Tết, lễ hội của đồng bào dân tộc Chăm, Khmer tạo nên một nét văn hóa đặc trưng cho thị xã và tạo ra một tiềm năng rất lớn về du lịch hành hương, du lịch sinh thái của thị xã trong tương lai.

- **Về dân tộc:** Phần lớn người dân trên địa bàn thị xã là dân tộc Kinh chiếm 96,50% so với tổng dân số, với 135.933 người; dân tộc Chăm chiếm 3,12%, với 4.399 người; dân tộc Hoa chiếm 0,30%, với 418 người; dân tộc Khmer chiếm 0,06%, với 79 người; còn lại là các dân tộc khác 0,01%, với 9 người. Người Kinh phân bố đều ở các xã, phường trên địa bàn, người Chăm tập trung nhiều ở xã Châu Phong và một số ít ở phường Long Thạnh, người Hoa tập trung nhiều ở các phường và một số ít ở các xã, người Khmer phân bố đều ở các xã, phường (trừ xã Phú Vĩnh, Lê Chánh).

1.3. Thực trạng môi trường

1.3.1. Thực trạng môi trường ở các đô thị và các khu dân cư tập trung

Tân Châu là thị xã đồng bằng được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu và sông Châu Đốc nên có khí hậu mát mẻ, trong lành, dọc theo các trục lộ có nhiều cây xanh và dân cư sống tập trung đông đúc tạo nên một không gian thoáng mát hài hòa giữa con người và cảnh vật.

Tuy nhiên, môi trường ngày có dấu hiệu ô nhiễm, thể hiện qua thực trạng xả thải (nước thải sinh hoạt không qua xử lý, chất thải sinh hoạt chưa được thu gom triệt để), vẫn còn các cơ sở sản xuất, nhà máy xen lẫn trong khu dân cư.

Về nguồn nước: Nhìn chung, lưu lượng nước mặt trên địa bàn thị xã rất lớn, nhưng nguồn nước mặt đang chịu tác động rất lớn từ sinh hoạt của người dân và một số hoạt động sản xuất kinh doanh,... nên chất lượng nước mặt đang chịu nhiều áp lực. Nồng độ các chất ô nhiễm của một số chỉ tiêu có chiều hướng gia tăng, một số chỉ tiêu đã vượt tiêu chuẩn cho phép. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng nước cung cấp phục vụ cho mục đích sinh hoạt cần chú trọng các biện pháp xử lý thích hợp, trong mùa khô thì quan tâm nhiều hơn đến xử lý vi sinh, vào mùa mưa thường xuyên xử lý các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh. Ngoài ra, tại các vị trí có hoạt động nuôi trồng thủy sản thì cần thường xuyên theo dõi chất lượng nước nhằm đảm bảo phục vụ nuôi trồng thủy sản và chất lượng nước sinh hoạt. Ngoài ra, việc tuyên truyền, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, khu thương mại dịch vụ,... cần tiếp tục tăng cường, kịp thời ngăn chặn và xử lý sai phạm.

Về chất thải rắn: Hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt hiện nay chưa đáp ứng được tình hình thực tế do vẫn còn một lượng lớn rác sinh hoạt được người dân vứt bừa bãi ra đường, kênh, rạch quanh nhà. Các bãi thu gom rác chưa được

thiết kế và xây dựng đạt tiêu chuẩn quy định, rác thải được xử lý bằng biện pháp chôn lấp thông thường, quy trình xử lý rất đơn giản, không đảm bảo vệ sinh môi trường. Đặc biệt, hầu hết diện tích đất ở và phần đất hai bên trục đường ở khu vực 05 phường đã được tận dụng làm mặt bằng sản xuất. Các xưởng được xây dựng rất sơ sài, đồng thời là nơi tập kết nguyên vật liệu, sản phẩm, diện tích còn chật hẹp, không có hệ thống xử lý chất thải từ các hộ sản xuất. Tất cả các yếu tố đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, cảnh quan, môi trường lao động và có ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe cộng đồng. Các chất ô nhiễm đang có chiều hướng gia tăng có nguồn gốc từ các chất thải cụm công nghiệp, sinh hoạt và đặc biệt là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Tóm lại, hiện nay đã xuất hiện tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở các khu vực đô thị và các khu tập trung sản xuất công nghiệp; ô nhiễm nguồn nước mặt làm giảm chất lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản; ô nhiễm do rác thải từ hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt chưa có nơi xử lý hoặc chôn lấp không đúng kỹ thuật.

1.3.2. Thực trạng môi trường nông thôn

Do điều kiện tự nhiên về địa hình, thủy văn đã tạo nên tập quán sống từ xưa của cư dân nông thôn trong thị xã là sống ven theo nguồn nước mặt, sông, kênh rạch, xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm thải trực tiếp ra kênh, rạch, ô nhiễm môi trường đất sản xuất nông nghiệp có chiều hướng gia tăng do không kiểm soát việc sử dụng phân bón và thuốc hóa học phòng trừ sâu bệnh. Ngoài ra, việc phát triển các làng nghề thủ công nghiệp với công nghệ lạc hậu đang làm ô nhiễm môi trường nặng nề, đe dọa đến sức khỏe nhân dân trong các vùng có làng nghề. Đặc biệt, còn nhiều hộ cất nhà trên sông, kênh, rạch hoặc trong hành lang sông, kênh, rạch gây ô nhiễm khá nghiêm trọng môi trường nước mặt và ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực.

1.3.3. Thực trạng môi trường ở các khu vực sản xuất cụm công nghiệp tập trung

Môi trường tại các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung gây ô nhiễm không khí có chiều hướng ngày càng tăng như: Xây xát lương thực, lò sấy lúa gạo và sản xuất vật liệu xây dựng,... Khói bụi từ các nhà máy, cơ sở sản xuất còn gây tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh.

1.3.4. Thực trạng môi trường ở các khu vực đê bao kiểm soát lũ

Xây dựng đê bao bảo vệ sản xuất nông nghiệp là một giải pháp quan trọng đối với đặc thù mùa nước nổi của tỉnh An Giang. Qua nhiều năm khảo sát, quan trắc đã cho những kết quả không khả quan về chất lượng môi trường. Chất

lượng nước mặt suy giảm với chỉ tiêu amoniac (NH_3) vượt rất cao so với tiêu chuẩn môi trường; coliforms, BOD5, photpho tổng số,... đều vượt so với tiêu chuẩn môi trường, dễ xảy ra hiện tượng phú dưỡng, bùng nổ tảo trong môi trường nước và ảnh hưởng đến động vật thủy sinh.

Chất lượng đất suy giảm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng và chi phí sản xuất tăng cao (phân bón, thuốc trừ sâu). Việc tuyên truyền cho nông dân sử dụng phân hữu cơ, vi sinh, tiết giảm lượng thuốc trừ sâu và giải pháp xả lũ có được áp dụng nhưng chưa rộng rãi.

1.3.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường

Môi trường sinh thái ở thị xã Tân Châu ngày càng chịu nhiều sức ép từ phát triển kinh tế, gia tăng dân số, đô thị hóa, phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Các chất ô nhiễm có nguồn gốc từ chất thải công nghiệp, sinh hoạt và đặc biệt là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có chiều hướng tăng nhanh.

Trong những năm gần đây tốc độ phát triển đô thị cũng như hiện đại hóa trên địa bàn diễn ra nhanh chóng; trong khi đó, các công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải,... không đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu phát triển đô thị. Do nguồn vốn ngân sách của Nhà nước có hạn nên việc đầu tư cho lĩnh vực này còn khiêm tốn, vì vậy môi trường và mỹ quan đô thị đang có dấu hiệu xuống cấp; đặc biệt là vấn đề về thoát nước, rác thải đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sức khỏe của người dân.

Đã xuất hiện tình trạng suy thoái môi trường không khí ở các đô thị và các khu vực tập trung các cơ sở sản xuất; ô nhiễm nguồn nước mặt làm giảm chất lượng nước cung cấp sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản; suy giảm chất lượng môi trường đất đang rõ nét ở các vùng đô thị bao kiểm soát lũ triệt để; ô nhiễm do rác thải chưa có nơi xử lý hoặc chôn lấp không đúng kỹ thuật.

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay, cần có giải pháp đồng bộ như xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các biện pháp xử lý nguồn nước mặt, nước ngầm, thu gom rác thải, phân loại và có cách xử lý đảm bảo vệ sinh; đồng thời, các cấp chính quyền cần phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục người dân về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.4.1. Thuận lợi

Thị xã Tân Châu là một trong 05 huyện - thị biên giới của tỉnh An Giang giáp với Vương quốc Campuchia và có Cửa khẩu Vĩnh Xương, là lợi thế so sánh

đặc biệt để phát triển kinh tế cửa khẩu của thị xã, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ và kinh tế biên mậu giữa 2 nước cũng như các nước khác trong khu vực.

Có vị trí nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, có Đường tỉnh 951, 952, 953, 954 chạy qua đây là các tuyến giao thông thủy, bộ huyết mạch nằm trong trục hành lang quốc tế, quốc gia và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nên rất thuận lợi cho thị xã trong việc đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Quỹ đất của thị xã còn khá lớn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển sản xuất công nghiệp, đô thị, cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, địa hình, khí hậu, đất đai thuận lợi, còn kết hợp không gian giữa trung tâm thị xã Tân Châu và các phường vệ tinh (Long Sơn, Long Hưng, Long Châu, Long Phú), cùng với cảnh quan sông nước là điều kiện thuận lợi phát triển những khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh với các khu di tích lịch sử được tôn tạo và bảo tồn.

Trên địa bàn thị xã có trữ lượng tài nguyên khoáng sản (cát) khá dồi dào có thể khai thác phục vụ phát triển công nghiệp và xây dựng.

1.4.2. Khó khăn

Địa hình của thị xã tương đối thấp, nền địa chất yếu, bên cạnh đó lại bị chia cắt bởi nhiều kênh, rạch nên thường gặp khó khăn trong việc đầu tư xây dựng các dự án, phát triển không gian đô thị.

Là thị xã trẻ vừa mới thành lập không lâu nên hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển đô thị đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của thị xã. Kết cấu hạ tầng đầu tư chưa đồng bộ, nhất là về cầu, đường giao thông, hệ thống điện, nước, hạ tầng cụm công nghiệp, cụm tuyến dân cư làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân và công tác mời gọi đầu tư.

Thị xã có nguồn lao động dồi dào, được quan tâm đào tạo nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa được cải thiện nhiều. Đây là rào cản rất lớn để thị xã Tân Châu phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại hướng đến xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh quốc tế mạnh mẽ.

Các chỉ tiêu quan trọng như giao thông, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường,... cần phải phấn đấu phát triển toàn diện trong tương lai. Thị xã đã thực hiện nhiều giải pháp trong công tác xã hội hóa nhưng chưa thu hút được nhiều nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

Hiện tại vấn đề ô nhiễm môi trường tuy chưa bị ảnh hưởng nhiều, song cũng đã phần nào ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng cuộc sống và sức khỏe của người dân, chủ yếu là các tuyến dân cư dọc các kênh, rạch.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Cùng với việc phát triển kinh tế của tỉnh An Giang và vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm qua kinh tế - xã hội của thị xã đã có bước chuyển biến tích cực, đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt, mức đầu tư hạ tầng cơ sở được nâng cao, hệ thống giao thông, thủy lợi, các trường học, bệnh viện, công trình văn hoá,... được củng cố và phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Năm 2024 là năm tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XII, có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức (giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thời tiết diễn biến phức tạp...). Song, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành tỉnh, cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Thị uỷ, giám sát của HĐND thị xã, sự phối hợp chặt chẽ của UBMTTQ Việt Nam thị xã và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã, vai trò tham mưu tích cực của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường và sự cố gắng của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, Nhân dân trong thị xã, tình hình kinh tế - xã hội của thị xã có sự tăng trưởng khá và đạt được một số kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Thị xã thực hiện đạt và vượt 15/15 chỉ tiêu Nghị quyết HĐND thị xã đã đề ra; hoàn thành 69/69 nhiệm vụ chương trình công tác của UBND thị xã trong năm 2024.

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong những năm qua, tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các lĩnh vực trên địa bàn thị xã Tân Châu diễn ra theo hướng tích cực khá rõ nét, tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm trong khi tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ và du lịch và công nghiệp - xây dựng tăng. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch chưa cao, ngành nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn. Thương mại - dịch vụ và du lịch là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của thị xã, kế đến là ngành nông nghiệp và thấp nhất là ngành công nghiệp - xây dựng.

Trong tương lai, để tạo thêm động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động và nâng cao đời sống nhân dân, ngoài việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp, cần đầu tư, đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ và du lịch nhằm tăng nhanh tỷ trọng hai ngành này trong cơ cấu kinh tế của thị xã.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.2.1. Thương mại - Dịch vụ - Du lịch

Thị trường hàng hóa ổn định, sức mua diễn ra sôi động vào các ngày lễ, tết; Hàng hóa được các doanh nghiệp chuẩn bị đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của người dân nên không có biến động bất thường về giá đối với các mặt hàng thiết yếu. Tình hình buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn thị xã được kiểm soát. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ ăn uống, lưu trú và dịch vụ khác trên địa bàn thị xã năm 2024 ước đạt 15.602 tỷ 050 triệu đồng (đạt và vượt 5,6% so kế hoạch năm), tăng 18,77% so với năm 2023.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 772.332.102 USD, giảm 18,74% so với cùng kỳ; trong đó kim ngạch xuất khẩu chính ngạch đạt 345.669.174 USD, kim ngạch nhập khẩu chính ngạch đạt 219.701.677 USD, kim ngạch hàng biên giới: 5.219.833 USD và kim ngạch hàng quá cảnh: 201.741.418 USD; Tổng khối lượng hàng hoá xuất nhập khẩu ước đạt 30.176.160 tấn tăng 31,15% so cùng kỳ (trong đó, xuất khẩu: 3.138.622 tấn, nhập khẩu: 26.190.006 tấn) và tổng khối lượng hàng hoá quá cảnh 847.532 tấn.

Hoạt động du lịch năm qua có bước phát triển mạnh, thị xã tập trung xây dựng và ra mắt các sản phẩm du lịch đặc trưng như các nghề truyền thống dệt lụa, dệt chiếu uzu, dệt thổ cẩm Chăm, sản phẩm du lịch cộng đồng làng Chăm xã Châu Phong, nghiệp đoàn xe lôi thùng miền tây phục vụ du khách. Trong năm, số lượng khách du lịch đến thị xã 33.422 lượt, tăng 1.536 khách so với cùng kỳ. Thị xã đã tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua các kênh truyền thông trong và ngoài tỉnh như: cung cấp 200 bản đồ du lịch, 1.000 tờ gấp giới thiệu tour làng Chăm đến các công ty lữ hành; Hỗ trợ các đơn vị Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long, Đài Phát thanh - Truyền hình Tp.HCM; Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam ghi hình và quảng bá hình ảnh thị xã Tân Châu; Để hoàn chỉnh hơn hạ tầng du lịch, thị xã đang tiến hành thi công bến tàu du lịch đón khách quốc tế từ các du thuyền tại phường Long Thạnh; Đồng thời ra mắt Tổ du lịch cộng đồng làng Chăm Châu Phong với 12 thành viên và trang thông tin Văn hóa - Du lịch thị xã trên nền tảng số 3D”.

2.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng

- *Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp*: Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tiếp tục phục hồi và đạt được kết quả tích cực, hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu của thị trường. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt 4.592,563 triệu đồng tăng 17,38% so với thực hiện năm 2023, tăng 7,32% so với kế hoạch.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư đổi mới trang thiết bị qua chương trình Khuyến công tiếp tục được triển khai thực hiện, qua đó đã hỗ trợ 01 cơ sở

(cơ sở sản xuất bánh mì Hai Thành) với số tiền 88 triệu đồng, ngoài ra từ đầu năm đến nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giải ngân vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh cho 13 dự án với tổng số tiền 95,450 tỷ đồng. Thị xã có 17 cơ sở đăng ký đầu tư mới nâng tổng số cơ sở là 949 cơ sở và 04 cơ sở, doanh nghiệp thực hiện đầu tư mở rộng, tổng vốn đầu tư 11 tỷ 588 triệu đồng, giải quyết việc làm mới cho 42 lao động.

Xây dựng và ra mắt Website “quangbasanphamtanchau.vn” và Fanpage “Sản phẩm Tân Châu - An Giang” nhằm quảng bá sản phẩm OCOP và sản phẩm tiềm năng của thị xã; Đã triển khai thực hiện mô hình điểm thanh toán không dùng tiền mặt tại chợ Vĩnh Hoà và mô hình khu phố thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn phường Long Thạnh.

- *Đầu tư - Xây dựng*: UBND thị xã đã trình và đang chờ UBND tỉnh phê duyệt Đề án Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2045. Bên cạnh đó, đang triển khai thực hiện Đề án rà soát, xây dựng kế hoạch thành lập các phường Phú Vĩnh, Tân An, Long An, Vĩnh Hòa, Vĩnh Xương thuộc thị xã Tân Châu và thành lập thành phố Tân Châu đến năm 2030. Đồng thời, thường xuyên rà soát và điều chỉnh quy hoạch nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị của thị xã. Từ đầu năm đến nay đã phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 của 09/09 xã, đề án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu trung tâm xã Phú Vĩnh; Trình xin ý kiến Sở Xây dựng về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư trung tâm Xã Lê Chánh và xã Vĩnh Hòa.

Công tác cấp giấy phép xây dựng luôn được thực hiện kịp thời, đúng quy định, trong năm 2024 đã cấp 354 giấy phép xây dựng với diện tích 42.7305m². Trong đó: nhà cấp IV: 229 giấy với diện tích 20.478m², nhà cấp III: 115 giấy với diện tích 18.138m²; 10 giấy phép công trình không theo tuyến và công trình khác với diện tích 4.093m².

Lĩnh vực giao thông vận tải, quản lý cây xanh và hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được quan tâm thực hiện. Trong năm, từ các nguồn vốn trung ương, tỉnh và địa phương, thị xã đã nâng cấp 09 tuyến đường với tổng chiều dài 5.284,3 mét, trong đó có 04 tuyến đường đô thị dài 1.730,7 mét, 03 tuyến đường giao thông nông thôn 1.377,9 mét và 02 tuyến đường giao thông nội đồng dài 2.175,7 mét. Đã triển khai Kế hoạch lập lại trật tự đô thị, trật tự xây dựng, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường (trong năm, đã tổ chức nhiều đợt ra quân kiểm tra, qua đó nhắc nhở, cho làm cam kết 1.368 trường hợp, tháo dỡ 47 trường hợp, xử phạt 05 trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép lề, lòng đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ); Bên cạnh đó đã ban hành Quy chế Quản lý cây xanh đô thị và danh mục cây cấm trồng, cây hạn chế trồng trong phạm vi đô thị trên địa bàn thị

xã.

Hoàn thành tốt kế hoạch kiểm tra hoạt động bến khách ngang sông năm 2024, qua kiểm tra đã phát hiện và lập biên bản xử lý 09 trường hợp vi phạm, trong đó có 03 trường hợp vi phạm khai thác bến khách ngang sông không đúng mục đích so với quy định của Quyết định công bố hoạt động (hành vi bến đưa ô tô), 02 trường hợp vi phạm thu giá dịch vụ không đúng niêm yết...; Đồng thời nhắc nhở các chủ khai thác bến đảm bảo an toàn tuyệt đối bến bãi, phương tiện cho hành khách.

Trong năm, thị xã đã và đang triển khai thực hiện 95 dự án, đã hoàn thành 30 dự án, đang thực hiện 59 dự án, chưa thực hiện 6 dự án, với tổng kế hoạch vốn năm 2024 được bố trí là 360.040 triệu đồng. Các dự án hoàn thành góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.2.3. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Năm 2024, mặc dù thời tiết không thuận lợi, sâu bệnh phát triển mạnh, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng; tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục duy trì ổn định. Diện tích sản xuất lúa chất lượng cao ngày được mở rộng; Cây ăn trái trên địa bàn thị xã đến giai đoạn thu hoạch tăng, tình hình chăn nuôi có chiều hướng phát triển tích cực; Các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả tiếp tục nhân rộng. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) ước đạt 2.878.885 triệu đồng tăng 4,18% so với năm 2023.

Trong năm, toàn thị xã đã xuống giống sản xuất được 27.804,93 ha, đạt 100% kế hoạch. Trong đó: Lúa 24.953,8 ha, màu 2.851,13 ha. Tổng sản lượng lúa ước đạt 156.861 tấn (tăng so cùng kỳ 2023 là 5.344 tấn), với năng suất bình quân 6,286 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 2023 là 0,025 tấn/ha), giá lúa trung bình từ 7.200 đến 9.100 đồng/kg (giá cùng kỳ năm 2023 là 6.500 đến 8.900 đồng/kg); Đề án 01 triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030 được triển khai thực hiện thí điểm 500 ha ở vùng bao Nam Vĩnh An và vùng bao Tân An - Tân Thạnh (đã tổ chức cấp 12 mã số vùng trồng với diện tích 289,2ha. Trong đó: Cây ăn trái 184,2ha; Lúa 80,4ha; Hoa màu 24,7ha).

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn thị xã là 1.965.518 con tăng 6.322 con so cùng kỳ; Diện tích nuôi thủy sản duy trì ở mức 128,76 ha/214 hộ, trong đó chủ lực là cá tra giống (chiếm 86,2%), cá tra thịt chiếm 5,44%, tổng sản lượng thủy sản thu hoạch trong năm 2024 ước đạt 17.500 tấn, cao hơn cùng kỳ năm 2023 là 2.500 tấn. Trong đó: cá tra giống và cá tra thương phẩm đạt 5.300 tấn; Cá basa, cá hủ, cá he, cá rô phi, cá lăng nha, cá điêu hồng.... là 12.200 tấn.

Trong năm đã hoàn thành việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp 12 công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp; Thực hiện xả lũ có kiểm soát 04 tiểu vùng: tiểu vùng Long Sơn, tiểu vùng Long Phú, tiểu vùng Vĩnh Hòa - Phú Lộc và tiểu vùng Nam Vĩnh An.

Hoạt động Hợp tác xã và Tổ hợp tác từng bước mang lại hiệu quả, trên địa bàn thị xã hiện có 18 Hợp tác xã nông nghiệp và 127 Tổ hợp tác. Trong năm tổ chức liên kết bao tiêu sản phẩm nông sản với doanh nghiệp, tổng diện tích thực hiện là 1.669ha.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện theo hướng thực chất, hiệu quả: UBND tỉnh công nhận xã Phú Vĩnh đạt chuẩn “xã nông thôn mới nâng cao” và xã Phú Lộc đạt chuẩn “xã nông thôn mới”, đến nay thị xã có 7/9 xã được đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” và 2 xã đạt chuẩn “xã nông thôn mới nâng cao”; Hoàn thành hồ sơ đề nghị UBND tỉnh công nhận xã Lê Chánh, Tân Thạnh đạt chuẩn xã Nông thôn mới, xã Tân An đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): trong năm thị xã có thêm 10 sản phẩm, nâng tổng số sản phẩm đạt “chứng nhận OCOP” là 17.

2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập

2.3.1. Dân số

Theo niên giám thống kê năm 2023, dân số toàn thị xã có 140.863 người với 41.195 hộ, mật độ dân số đạt 797 người/km². Về tập quán cư trú, đa số người dân sống ở khu vực nông thôn chiếm 61,59% so với dân số toàn thị xã.

Dân số theo dân tộc: Phần lớn người dân sinh sống trên địa bàn thị xã là dân tộc Kinh chiếm 96,50% so với tổng dân số với 135.933 người, dân tộc Chăm chiếm 3,12% so với tổng dân số với 4.399 người, dân tộc Hoa chiếm 0,30% so với tổng dân số với 418 người, còn lại là dân tộc Khmer và dân tộc khác 0,06% với 88 người. Người Kinh phân bố đều ở các xã, phường, người Chăm tập trung nhiều ở xã Châu Phong và một số ít ở phường Long Thạnh, người Hoa sống tập trung nhiều ở các phường và một số ít ở các xã, người Khmer phân bố đều ở các xã, phường (trừ xã Phú Vĩnh, Lê Chánh).

Về cơ cấu dân số theo giới tính: Nam chiếm 49,11% dân số, nữ chiếm tỷ lệ cao hơn với 50,89%.

2.3.2. Lao động, việc làm và thu nhập

Theo niên giám thống kê năm 2023, số người trong độ tuổi lao động của thị xã Tân Châu là 83.087 người, chiếm 58,98% dân số toàn thị xã.

Chủ động, tập trung, ưu tiên nguồn lực để triển khai một cách đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các chính sách xã hội, nhất là chính sách về người có công,

bảo trợ xã hội, giảm nghèo đa chiều, các chính sách bảo trợ người yếu thế trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác lao động, việc làm, quan tâm giải pháp đổi mới trên lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm; trong đó chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội (Có 28 lao động đi làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản: 24 lao động, Đài Loan: 02 lao động, Malaysia: 01 lao động, Hàn Quốc 01 lao động); Mở các lớp đào tạo nghề thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình MTQG (đã mở 32 lớp với 960 học viên tham dự); Tổ chức tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Châu Phong năm 2023 được 04 đợt tuyên truyền, tư vấn với hơn 700 người tham dự).

Ban hành các Kế hoạch thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 CTMTQG năm 2023. Tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình MTQG GNBV đến nay đã giải ngân 357,583/4.937 triệu đồng đạt 7,61%.

Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình ước đạt 60,10 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Khu vực đô thị

Hệ thống đô thị của thị xã Tân Châu bao gồm 05 phường (Long Châu, Long Hưng, Long Thạnh, Long Phú, Long Sơn), trong đó phường Long Thạnh và Long Hưng là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội của thị xã (gồm các công trình lớn như: Ủy ban nhân dân thị xã, chợ, siêu thị, sân bóng, bến xe,...) và các công trình dịch vụ. Diện tích đất đô thị có 3.661,41 ha, chiếm 20,72% diện tích đất tự nhiên của thị xã. Dân số đô thị có 54.106 người (chiếm 38,41% dân số thị xã), đất ở tại đô thị có 253,48 ha, bình quân diện tích đất ở tại đô thị là 46,85 m²/người. Trong những năm qua bộ mặt của đô thị đã có nhiều thay đổi. Các công trình xây dựng cơ bản đã và đang được đầu tư xây dựng. Mạng lưới giao thông, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, mạng lưới thông tin liên lạc, bưu điện, phát thanh truyền hình, các dịch vụ ngân hàng, thương mại,... cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thị xã đã xây dựng hoàn thành các đồ án, đề án trong công tác quy hoạch và phát triển đô thị, gồm: Đồ án Quy hoạch chung thị xã Tân Châu đến năm 2035, được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 08/4/2019; Chương trình phát triển đô thị

thị xã Tân Châu đến năm 2035, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 19/10/2018; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 phân khu chức năng của 05 phường; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai (phường Long Thạnh). Rà soát đánh giá lại hiện trạng các tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở để lập đề án nâng cấp thị xã Tân Châu lên thành phố.

2.4.2. Khu vực nông thôn

Thực trạng phát triển nông thôn của thị xã Tân Châu cũng giống như các huyện đồng bằng trong tỉnh. Dựa vào điều kiện địa hình và tập quán sinh hoạt, sản xuất, các khu dân cư tập trung trên địa bàn thị xã Tân Châu thường phân bố theo sông, kênh, rạch, các trục đường giao thông, nơi giao nhau giữa các tuyến kênh, các đường giao thông nhằm tận dụng các lợi thế về nguồn nước, giao thông phục vụ cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

Trong thời gian qua, thị xã đã đầu tư xây dựng nhiều cụm tuyến dân cư từng bước giải quyết nhu cầu đất ở cho nhân dân như: Tuyến dân cư Long Thạnh C, Khu dân cư Long Thạnh (1,10 ha), Khu dân cư Long Thạnh (1,60 ha), Tuyến dân cư Long Phú, Khu dân cư số 4 phường Long Sơn, Tuyến dân cư xã Phú Vĩnh, Cụm dân cư trung tâm Lê Chánh, Tuyến dân cư Phũm Soài xã Châu Phong, Tuyến dân cư Long Hiệp xã Long An, Tuyến dân cư Tân Hòa B xã Tân An, Tuyến dân cư Núi Nổi xã Tân Thạnh, Cụm dân cư trung tâm Vĩnh Hòa, Tuyến dân cư Phú Yên xã Phú Lộc,... Về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đất ở nông thôn.

Tuy nhiên, tình trạng xây cất nhà trên sông, kênh, rạch trên địa bàn thị xã Tân Châu vẫn còn. Đa số các hộ xây cất nhà trên sông, kênh, rạch của thị xã là các hộ dân nghèo gồm các thành phần làm ruộng, làm thuê, mua bán nhỏ lẻ, không có đất ở nơi khác, không có khả năng hoặc chi phí di dời nên thực trạng này vẫn còn tồn tại. Hướng tới thị xã cần phải có những giải pháp thiết thực nhằm giải quyết dứt điểm thực trạng này.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

2.5.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông của thị xã Tân Châu bao gồm giao thông bộ và giao thông thủy, trong đó:

Hệ thống giao thông bộ của thị xã được hình thành theo 3 cấp quản lý: Tỉnh, thị xã và xã với các tuyến đường chính như sau: Đường tỉnh 951, Đường tỉnh 952, Đường tỉnh 953, Đường tỉnh 954, Hương lộ 2, Lộ sau sông Tiền, Lộ Long An Châu Phong, Đường bờ đông kênh 7 xã, Lộ kênh cùn, Lộ Hàng Me, Đường bờ bắc kênh Tân Châu,... các tuyến đường liên xã và giao thông nông thôn trên địa bàn. Hệ thống giao thông bộ trên địa bàn thị xã đã được xây dựng

khá hoàn chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, mặt khác việc giao thương, trao đổi hàng hóa giữa thị xã với Vương quốc Campuchia và các khu vực lân cận trong vùng được dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, thị xã có 1 bến xe để phục vụ vận chuyển hàng hoá và hành khách tại phường Long Thạnh, với tổng diện tích 0,6 ha, đạt tiêu chuẩn bến loại III.

Trong năm, từ các nguồn vốn trung ương, tỉnh và địa phương, thị xã đã nâng cấp 09 tuyến đường với tổng chiều dài 5.284,3 mét, trong đó có 04 tuyến đường đô thị dài 1.730,7 mét, 03 tuyến đường giao thông nông thôn 1.377,9 mét và 02 tuyến đường giao thông nội đồng dài 2.175,7 mét.

Nhìn chung, hệ thống giao thông bộ của thị xã Tân Châu được phân bố hợp lý và thuận tiện nhưng chất lượng chưa cao. Trong thời gian tới, nhằm đáp ứng cho nhu cầu về giao thông cũng như đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã cần phải tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng cũng như mở mới hệ thống giao thông trên địa bàn.

Về hệ thống giao thông thủy của thị xã: Do đặc thù của thị xã cù lao nên có hệ thống giao thông thủy phát triển dày đặc như: Đoạn sông Tiền dài 17,5 km đây là tuyến giao thông quốc tế đặc biệt do Trung ương quản lý, đóng vai trò phục vụ giao thông, vận chuyển hàng hóa rất lớn. Bên cạnh đó, tuyến sông Cái Vừng (cấp III, tỉnh quản lý), kênh Tân Châu (cấp I, Trung ương quản lý), cùng với hệ thống kênh cấp IV, V do thị xã quản lý (Kênh Bảy Xã, kênh Nhánh Đông, Kênh Vĩnh An, Kênh Thần Nông), tạo thành hệ thống liên hoàn chia sẻ vai trò vận chuyển hàng hóa và hành khách với hệ thống giao thông đường bộ. Bên cạnh đó, thị xã có 02 bến phà lớn (phà Châu Giang, phà Tân Châu - Hồng Ngự) cùng với các bến đò khách ngang sông với quy mô vừa, nhỏ đảm bảo vận chuyển hành khách và hàng hóa.

2.5.2. Thủy lợi, điện chiếu sáng và nước sạch

- *Về thủy lợi:* Hệ thống thủy lợi của thị xã bao gồm hệ thống kênh, đê bao và các trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Theo số liệu thống kê năm 2023, toàn thị xã có 3 kênh cấp I tổng chiều dài 19,3 km, 7 kênh cấp II tổng chiều dài 33 km, năng lực phục vụ 4.022 ha và 09 kênh cấp III tổng chiều dài 65 km, năng lực phục vụ 2.010 ha. Kênh nội đồng có 62 tuyến dài 10 km năng lực phục vụ 10.440 ha. Trong những năm qua, công tác thủy lợi luôn được quan tâm đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch hàng năm; đồng thời ưu tiên đầu tư xây dựng trạm bơm điện và hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông nội đồng. Nhờ đó, hệ thống thủy lợi được hình thành theo quy hoạch, đảm bảo tưới tiêu cho toàn bộ diện tích đất canh tác và kiểm soát lũ.

Phần lớn các tuyến kênh cấp I, cấp II và cấp III trên địa bàn thị xã Tân Châu đang phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, vào mùa khô hàng năm, một số tuyến kênh mương nội đồng thường bị thiếu nước, cần quan tâm nạo vét theo định kỳ nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp của thị xã.

Các công trình thủy lợi đã góp phần tích cực vào công tác chống lũ, trữ nước vào mùa khô trong vùng, lợi dụng thủy triều tưới tiêu góp phần tăng diện tích tưới tiêu chủ động cho sản xuất lúa hàng hoá, cây công nghiệp, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong vùng theo hướng đa ngành góp phần tăng trưởng sản xuất nông nghiệp.

Các công trình thủy lợi không chỉ làm tăng giá trị kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản mà còn có tác dụng quan trọng là góp phần cải thiện môi trường sinh thái, đất, nước sinh hoạt của dân cư nông thôn. Nhiều kè cống sạt lở được sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng lại đã góp phần chỉnh trang đô thị, nông thôn theo hướng hiện đại.

- *Về cấp điện:* Đến nay thị xã đã cơ bản hoàn chỉnh việc phủ điện lưới quốc gia 14/14 xã/phường và tiếp tục nâng cấp các trạm biến áp, thay thế các đường dây trung, hạ thế; đảm bảo phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Mạng lưới trạm biến áp trên địa bàn thị xã được quan tâm đầu tư, đặc biệt là các trạm biến áp phục vụ tưới tiêu và kiểm soát lũ.

- *Về cấp nước:* Thực hiện chương trình mục tiêu nước sạch, vệ sinh môi trường, thị xã đã đầu tư xây dựng các trạm cấp nước và hệ thống đường ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu cho người dân trên địa bàn. Đến nay, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

2.5.3. Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình

Hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn thị xã Tân Châu phát triển tương đối hoàn thiện tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận thông tin bằng công nghệ hiện đại với chi phí thấp.

Đài truyền thanh thị xã tiếp tục duy trì tốt các chuyên mục và đẩy mạnh hoạt động đưa tin, nhằm phản ánh kịp thời những hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn thị xã. Đồng thời, cổng thông tin điện tử thị xã công bố bộ thủ tục hành chính, các quy hoạch sử dụng đất, điện thoại đường dây nóng các lĩnh vực, đăng tin, bài, ảnh góp phần thông tin kịp thời tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin truyền thông được tăng cường, thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên, xử lý kịp thời đúng theo quy định của pháp luật.

2.5.4. Giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, công tác giáo dục luôn được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học. Các cấp học mỗi năm đều phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, trường lớp được xây dựng kiên cố hóa. Cơ sở vật chất và các trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư đảm bảo việc dạy và học, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa, chất lượng dạy và học ngày một nâng lên.

Toàn thị xã có 56 trường, trong đó MN, MG 16 đơn vị, Tiểu học 22 đơn vị; THCS 13 đơn vị (điểm chính có 51 điểm, điểm phụ có 73 điểm), THPT có 05 đơn vị.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục đào tạo năm học 2023-2024; Quy mô trường lớp ổn định, mạng lưới trường lớp, học được phủ kín các xã, phường; Chất lượng giảng dạy các cấp học được nâng cao hơn năm học trước: học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt tỉ lệ 99,92%; Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt tỉ lệ 100%; Tổ chức an toàn, đúng quy chế, hiệu quả Kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025 trên địa bàn thị xã, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 99,88%, điểm thi tuyển sinh 10 năm tốp 3 của tỉnh; Thị xã được công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục – Xóa mù chữ tiểu học mức độ 3, trung học cơ sở mức độ 2; Tổ chức thành công Hội Khỏe Phù Đổng lần thứ 30 cấp thị xã và đạt giải Ba toàn đoàn cấp tỉnh.

Đề chuẩn bị cho năm học mới 2024- 2024, ngành giáo dục thị xã đã được đầu tư xây mới các công trình trường học và tiếp nhận đưa vào sử dụng từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cơ sở vật chất các trường luôn được quan tâm đầu tư nâng cấp, các đơn vị trường học đã thực hiện công tác duy tu, sửa chữa hè với tổng kinh phí 3,310 tỷ đồng từ nguồn vốn Sự nghiệp giáo dục năm 2024; Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, trong năm 2024 có 4/4 trường được công nhận mới, lũy kế toàn thị xã có 33/56 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 58,92%.

2.5.5. Y tế, văn hoá và thể thao

Hiện trên địa bàn thị xã có 01 Bệnh viện đa khoa khu vực quy mô 270 giường bệnh, 01 trung tâm y tế thị xã đa chức năng (dự phòng, dân số và khám chữa bệnh ngoại trú), 14 trạm y tế xã, phường với 140 giường lưu tạm thời. Nhìn chung, những năm qua hệ thống y tế từ cấp huyện đến cấp cơ sở luôn được quan tâm củng cố đảm bảo cho nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân.

Chủ động thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh lưu hành tại địa phương, hạn chế số ca mắc và tử vong, đồng thời ngăn chặn dịch bệnh mới phát

sinh, kiểm soát tốt dịch bệnh qua biên giới. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phát triển chuyên môn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, các hoạt động về y tế thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số - KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia BHYT, BHXH tự nguyện trên địa bàn thị xã được triển khai rộng rãi. Số người tham gia BHYT trên địa bàn thị xã ước đạt là 130.995/141.143 người, độ bao phủ BHYT đạt 100% so với kế hoạch.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể thao mừng Đảng, mừng Xuân năm 2024 và kỷ niệm các ngày Lễ lớn được tổ chức chu đáo, sôi nổi tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và thông tin truyền thông được tăng cường, Các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa trên địa bàn được quan tâm; Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” càng đi vào chiều sâu hướng đến xây dựng và phát triển con người toàn diện; Thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên, xử lý kịp thời đúng theo quy định của pháp luật, trong năm đã kiểm tra 12 điểm internet, 03 điểm karaoke qua kiểm tra các cơ sở đều chấp hành đúng quy định, không có trường hợp vi phạm.

2.6. Đánh giá chung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.6.1. Những kết quả đạt được

Trong năm 2024 với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, chủ động, của Thị ủy, giám sát của HĐND, UBND thị xã đã cùng với các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn. Các công trình, dự án đầu tư, xây dựng trên nhiều lĩnh vực phục vụ phát triển hạ tầng đô thị, phát triển nông thôn được quan tâm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế thị xã. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức phong phú, rộng khắp phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục, chính sách xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Kinh tế phát triển, các mục tiêu tăng trưởng được đảm bảo. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần khu vực nông nghiệp và tăng khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt từ đất lúa sang rau màu, cây ăn trái; nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được triển khai góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

2.6.2. Những hạn chế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, thương mại - dịch vụ - du lịch tuy phát triển nhưng chất lượng còn hạn chế; sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chưa thực sự hấp dẫn, chưa có sức cạnh tranh cao. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công thấp (76,30%). Công tác quản lý đất công còn chưa chặt chẽ, tình trạng mua, bán lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè vẫn còn diễn ra. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội chưa được kiềm chế, kéo giảm (tăng 21,05% so với cùng kỳ).

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa mạnh, quy mô còn nhỏ, trình độ tay nghề kỹ thuật còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều sản phẩm đặc thù tạo giá trị cao, các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu dân sinh.

Sản xuất nông nghiệp chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, một số vùng bao xuống giống trễ lịch thời vụ so với khuyến cáo của ngành nông nghiệp; hiệu quả liên kết sản xuất - tiêu thụ chưa đa dạng hóa mô hình sản xuất, chưa chặt chẽ, thiếu tính bền vững.

Phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất chưa gắn kết với tổ chức lại sản xuất, cụ thể việc xây dựng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, tiêu biểu là hợp tác xã còn nhiều khó khăn; việc nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả còn chậm.

Công tác bảo vệ môi trường còn gặp nhiều khó khăn, nhất là giải pháp kỹ thuật; mặt khác nhận thức của cộng đồng chưa thật sự nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường chung.

Công tác quản lý đất công còn chưa chặt chẽ, tình trạng mua bán lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè vẫn còn diễn ra. Nguyên nhân là do nhận thức của người dân còn hạn chế, cùng với việc kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm chưa được thường xuyên, kịp thời; bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ này ở các xã, phường là rất ít mà địa bàn quản lý lại rộng.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Ngay sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Tân Châu được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thị xã đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, góp phần tích cực vào việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, làm cơ sở để quản lý, khai thác sử dụng đất đai một cách hiệu quả. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3: So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của thị xã Tân Châu

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt KH 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.770,11	13.636,34	13.764,27	-5,84	4,36
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.895,21	9.773,84	9.892,60	-2,61	2,15
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	9.895,21	9.773,84	9.892,60	-2,61	2,15
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK					
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.516,62	1.490,77	1.515,66	-0,96	3,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.911,35	1.919,74	1.909,45	-1,90	-22,69
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
-	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	446,93	450,03	446,56	-0,37	-11,86

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt KH 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.9	Đất làm muối	LMU					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,00	1,95	0,00	0,00	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.740,08	3.874,42	3.745,92	5,84	4,36
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	662,51	675,21	664,83	2,32	18,26
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	253,27	367,60	255,73	2,46	2,15
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,13	12,87	13,13	0,00	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	5,47	5,47	5,47	0,00	-
2.5	Đất an ninh	CAN	1,82	1,82	1,82	0,00	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	63,15	65,19	63,16	0,01	0,28
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,93	3,41	2,93	0,00	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH					
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,36	4,51	4,36	0,00	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,21	48,44	46,21	0,00	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	8,65	7,83	8,65	0,00	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,00	1,00	1,00	0,00	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	56,75	63,50	56,75	0,00	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK					

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt KH 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,58	0,58	0,58	0,00	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT					
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,36	37,68	31,37	0,01	0,15
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	24,81	25,24	24,81	0,00	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	886,06	884,82	887,12	1,06	-85,87
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	494,16	501,22	495,23	1,07	15,09
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	367,45	358,56	367,45	0,00	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,79	0,79	0,79	0,00	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	14,05	14,05	14,05	0,00	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD					
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,81	2,81	2,81	0,00	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,16	1,16	1,16	0,00	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,36	0,36	0,36	0,00	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,15	3,74	3,15	0,00	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,13	2,13	2,13	0,00	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	18,99	18,99	18,99	0,00	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,99	4,99	4,99	0,00	-

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng năm 2023 (ha)	Diện tích được duyệt KH 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	30,77	30,97	30,77	0,00	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.743,16	1.742,98	1.743,16	0,00	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC					
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.743,16	1.742,98	1.743,16	0,00	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	162,74	162,18	162,74	0,00	-
	Trong đó:	-					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	162,74	162,18	162,74	0,00	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*						

Dựa vào kết quả Thống kê đất đai năm 2023 và kết quả điều tra danh mục công trình đã thực hiện trong năm 2024 của thị xã Tân Châu so với các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt theo Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cho thấy:

1.1. Đất nông nghiệp

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 diện tích đất nông nghiệp còn 13.636,34 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 13.764,27 ha, giảm 5,84 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Đất trồng lúa: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 9.773,84 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 9.892,6 ha, giảm 2,61 ha so với

hiện trạng năm 2023. Nguyên nhân là do các dự án đầu tư công trong kỳ chưa bố trí vốn kịp để thực hiện và đang thực hiện các thủ tục nên pháp lý về đất đai là chưa kịp thu hồi đất, ngoài ra các công trình xã hội hóa nhà nước và nhân dân cùng làm vận động nhân dân hiến đất chưa triển khai thực hiện kịp, gồm các dự án như: Đường Cộ Mương Tri; Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1); Trường THCS Vĩnh Xương; Trường THCS Lê Chánh.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 1.490,77 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 1.515,66 ha, đạt 3,7%, giảm 0,96 ha so với hiện trạng năm 2023, nguyên nhân là do doanh nghiệp chưa thực hiện hoàn thiện thủ tục đất đai để chuyển mục đích sử dụng đất dự án Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh (P. Long Thạnh).

- Đất trồng cây lâu năm: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 1.912,74 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 1.515,66 ha, giảm 1,9 ha so với hiện trạng năm 2023 là do chưa thoả thuận được giá đất nên chưa thực hiện được các dự án sau: Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia (0,25 ha; Phú Vĩnh); Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân) (0,32 ha; Tân Thạnh).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 446,93 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 446,56 ha, giảm 0,37 ha so với hiện trạng năm 2023, nguyên nhân do đang thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai như chưa thoả thuận được giá đất bồi hoàn nên chưa thực hiện được các dự án như: Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia.

Nguyên nhân chủ yếu các loại đất nông nghiệp chỉ tiêu chưa thực hiện chuyển sang loại đất khác được theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, thị xã có đăng ký thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất từ các tuyến dân cư theo quy hoạch của hộ gia đình, cá nhân có sử dụng từ mục đích trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên là do năm vừa qua thị trường bất động sản ảm đạm kéo dài, mặc khác ảnh hưởng bởi tình hình lạm phát do đó chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết chỉ tiêu đã đăng ký năm 2024, dẫn đến chỉ tiêu đất nông nghiệp không đạt.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 3.874,42 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 3.745,92 ha, tăng 4,35 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Đất ở tại nông thôn: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2025 là 675,21 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 664,83 ha, đạt 18,26%,

tăng 2,32 ha so với hiện trạng năm 2023 là do nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân tại các xã thực hiện ít, là do năm vừa qua thị trường bất động sản ảm đạm kéo dài, mặc khác ảnh hưởng bởi tình hình lạm phát do đó chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết chỉ tiêu đã đăng ký năm 2024, dẫn đến không đạt chỉ tiêu.

- Đất ở tại đô thị: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 367,6 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 255,73 ha, đạt 2,15%, tăng 2,46 ha so với hiện trạng năm 2023 là do không có vốn thực hiện nên chưa thực hiện được các dự án sau: San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu và nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân tại các phường chưa thực hiện hết chỉ tiêu đăng ký năm 2024. Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân tại các phường thực hiện ít, là do năm vừa qua thị trường bất động sản ảm đạm kéo dài, mặc khác ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn, do đó chưa thực hiện hết chỉ tiêu sử dụng đất đã đăng ký năm 2024, dẫn đến không đạt chỉ tiêu.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 65,19 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 63,16 ha, tăng 0,01 ha so với hiện trạng năm 2023, trong kỳ kế hoạch không có danh mục đăng ký cho chỉ tiêu này, nhưng có sự thay đổi là do số liệu thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2021, 2022.

- Đất thương mại, dịch vụ: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2023 là 37,68 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 31,36 ha, giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2023 trong kỳ kế hoạch không có danh mục đăng ký cho chỉ tiêu này, nhưng có sự thay đổi là do số liệu thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2021, 2022.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 884,82 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 887,12 ha, tăng 1,06 ha so với hiện trạng năm 2023 chủ yếu là chỉ tiêu đất giao thông tăng là do trong năm qua đã thực hiện được các dự án giao thông như: Làm mới đường cộ bờ Bắc Kênh Cùn đến đường cộ Lộ Hàng Me; Cầu nghĩa trang liệt sĩ bắc ngang Kênh Thần Nông nối phường Long Châu và xã Long An. Còn lại chiếm đa số là chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đăng ký 7 danh mục công trình nhưng đến nay chưa thực hiện là do hiện đang còn vướng thủ tục pháp lý về đất đai như chưa có quy hoạch xây dựng và chưa thoả thuận được giá đất bồi hoàn và thủ tục đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa nên chưa triển khai thực hiện được.

Ngoài ra, các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ kế hoạch năm 2024 như: đất an ninh; đất quốc phòng; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất tôn giáo, đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ; đất có mặt nước chuyên dùng, không có đăng ký danh mục công trình, qua phân tích số liệu cho thấy kết quả thực hiện năm 2024 không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

1.3. Đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 162,18, kết quả thực hiện năm 2024 được 162,74 ha, không thay đổi ha so với hiện trạng năm 2023.

1.4. Đánh giá chung

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thị xã đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất còn thấp so với kế hoạch được duyệt (đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng). Nguyên nhân đạt kết quả thấp là do:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do chạy theo lộ trình chỉ tiêu xã đạt nông thôn mới nên xin triển khai trước để kịp chỉ tiêu đạt để được công nhận, tâm lý sợ thiếu dự án đến khi có chủ trương sợ triển khai không kịp.

- Nhiều dự án đầu tư công đăng ký đã có quyết định chủ trương đầu tư nhưng còn vướng về cơ sở pháp lý như chưa có quy hoạch xây dựng, chưa thỏa thuận giá đất với người dân, bên cạnh đó, chưa kịp thời phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện do thị trường bất động sản ảm đạm thời gian qua, tình hình kinh tế khó khăn, lạm phát nên doanh nghiệp không xoay vòng vốn được để tiếp tục đầu tư.

- Các khu đất công đăng ký khai thác trong năm nhiều, nhưng chậm đưa ra đấu giá khai thác do chưa đảm bảo các thủ tục theo quy định, nhất là khi thực hiện lập phương án khai thác, còn khó khăn trong công tác thẩm định phương án đấu giá.

- Điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

II. DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2024

2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024

Tổng số dự án được duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 14 dự án, kết quả thực hiện được 03/14 dự án, đạt 21%. Và 1 danh mục trong kỳ kế hoạch hủy bỏ không thực hiện: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu: Cụ thể tiến độ thực hiện các công trình như sau:

Kết quả thực hiện các dự án trong kỳ kế hoạch năm 2024 đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng gồm (3 dự án) sau:

- Làm mới đường cộ bờ Bắc Kênh Cùn đến đường cộ Lộ Hàng Me (0,5ha).
- Cầu nghĩa trang liệt sĩ bắc ngang Kênh Thần Nông nổi phường Long Châu và xã Long An (0,55ha).
- Đường cộ Mường Tri - xã Lê Chánh (0,45ha).
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu

Kết quả thực hiện Các dự án trong kỳ kế hoạch năm 2024 đang và chưa thực hiện được sẽ chuyển tiếp sang năm 2025 gồm (10 dự án) sau:

- Trường THCS Vĩnh Xương (1,23 ha): Năm 2024 chưa thực hiện là do chưa có quy hoạch xây dựng. Ngày 4/2/2025 tỉnh đã có công văn về chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Tân Châu đến 2035, hiện đang lập thủ tục trình Sở XD thẩm định. Do đó địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Trường THCS Lê Chánh (0,73ha): Đã có Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án của Sở xây dựng ngày 04/11/2024. Dự án chưa triển khai thực hiện là do chưa có quy hoạch xây dựng. Ngày 4/2/2025 tỉnh đã có công văn về chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Tân Châu đến 2035, hiện đang lập thủ tục trình Sở XD thẩm định. Do đó địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Trường THCS Phú Lộc (0,69ha): Năm 2024 chưa thực hiện là do vướng quy hoạch xây dựng. Hiện đang chờ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Tân Châu đến năm 2045 được duyệt sẽ trình thẩm định lại Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Do đó địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia (0,25 ha; Phú Vĩnh). Hiện đang triển khai thực hiện, năm 2024 đã được UBND thị xã ban hành thông báo thu hồi đất và họp thông báo đến các hộ dân về chủ trương chính sách và kiểm kê thiệt hại và đã hoàn thiện Bản trích đo thực hiện dự án.

Đang thực hiện các bước tiếp theo, do đó địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân) (0,32 ha; Tân Thạnh): Đã đo đạc xong, đang thực hiện các thủ tục tiếp theo. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1) (0,47 ha; Lê Chánh): Đang trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Trường Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên) (0,69ha): Hiện đang thực hiện tiến độ dự án đạt 23/%. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952) (4,09 ha); P. Long Hưng và P. Long Châu): Hiện đã hoàn thành đoạn 3 (chiều dài 960m). Hiện đang thực hiện đoạn 1 và đoạn 2. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh (0,16 ha; P. Long Thạnh): Chủ đầu tư chưa lập hồ sơ triển khai thực hiện. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

- San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu (59,00 ha; P. Long Phú và P. Long Hưng): Đã thực hiện kê khai thiệt hại, chuẩn bị hợp lấy ý kiến về các chính sách bồi thường, hỗ trợ. Do đó, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện vào năm 2025.

2.2. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả thực hiện danh mục dự án năm 2024 đạt thấp, thực hiện được 3/14 dự án đã đưa vào sử dụng, đạt 21%. Còn lại gồm 10 dự án đang trong giai đoạn thực hiện từng bước thủ tục tiếp theo, nhưng đến thời điểm này chưa hoàn thành thủ tục thu hồi đất nên sẽ không thống kê vào công trình hoàn thành, do đó sẽ chuyển tiếp sang năm 2025 đồng thời 01 dự án hủy bỏ là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

2.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thực hiện danh mục dự án năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do tâm lý sợ thiếu dự án, có dự án không cần thu hồi đất nhưng vẫn đăng ký vào kế hoạch.

- Các dự án chưa triển khai đa số có căn cứ pháp lý chưa đảm bảo theo quy định và có nhiều dự án đăng ký nhưng chưa được phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện.

- Do điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

Việc triển khai thực hiện danh mục dự án năm 2023 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu dự án nên tổng hợp và đăng ký dự án dãn trải, không tập trung. Cụ thể dự án đã đầu tư xây dựng xong nhưng địa phương vẫn đăng ký, dự án không cần thu hồi đất của dân nhưng vẫn đăng ký thu hồi đất; dự án chưa đảm bảo trình tự phê duyệt đầu tư theo quy định vẫn đăng ký,...

- Vẫn có nhiều dự án do doanh nghiệp đầu tư, tự phê duyệt vốn, vốn TW nhưng đăng ký thiếu, phát sinh mới trong giai đoạn đăng ký nên dẫn đến tổng hợp thiếu.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án theo kế hoạch còn hạn chế. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thấp.

- Chính sách đất đai và cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

Để khắc phục nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cần các giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất (có căn cứ pháp lý theo quy định, có nguồn vốn phân bổ trong năm và tính khả thi của dự án đăng ký).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

III. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2024

3.1. Kết quả khai thác

Tổng số các khu đất đăng ký khai thác được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 11 khu đất (*Phụ lục số 03*). Đến nay các khu chưa khai thác, chỉ tiêu khai thác đất công không đạt kết quả. Hiện nay đơn vị quản lý đất công đang thực hiện lập các thủ tục từng bước đưa ra khai thác theo quy trình khai thác và sẽ chuyển tiếp sang năm 2025. Cụ thể nguyên nhân chưa khai thác khu đất được thể hiện chi tiết tại (*Phụ lục số 03*): Các khu đất công chưa khai thác được gồm (11 khu đất).

- Khu đất ở (cặp nhà ông Hiếu) (852 m²) - xã Tân An: Đã có quyết định phê duyệt phương án đấu giá số 1138/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc phê duyệt phương án đấu giá nhưng chưa hoàn tất thủ tục các bước tiếp theo để đưa ra đấu giá. Đến nay Luật đất đai 2024 có hiệu lực do đó đơn vị quản lý khai thác phải lập lại phương án tổ chức đấu giá cho khu đất này theo quy định Luật mới.

- Đất nền nhà Tuyến dân cư Long Hưng: Đã có quyết định phê duyệt phương án đấu giá số 1137/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc phê duyệt phương án đấu giá nhưng chưa hoàn tất thủ tục các bước tiếp theo để đưa ra đấu giá. Đến nay Luật đất đai 2024 có hiệu lực do đó đơn vị quản lý khai thác phải lập lại phương án tổ chức đấu giá cho khu đất này theo quy định Luật mới.

- Khu đất nền nhà Khu hành chính Phú Lộc: Đã đưa ra đấu giá năm 2022, đã có trúng đấu giá. Tuy nhiên, đến thời gian nộp tiền theo quy định thì người trúng đấu giá không nộp đủ tiền. Do đó, UBND thị xã đã có Quyết định huỷ kết quả trúng đấu giá và năm 2024 đăng ký đưa ra khai thác đấu giá lại khu đất.

- Đất bãi bồi (29.790 m²) - xã Châu Phong: Đang lập phương án đấu giá.

- Đất bãi bồi (19.518 m²) - xã Long An: Đang lập phương án đấu giá.

- Đất nông nghiệp (5.265 m²) - xã Long Phú: Đang lập phương án đấu giá.

- Khu đất vùng nuôi trồng thủy sản Vĩnh Hòa (Công ty TNHH Sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn) (420.000m²): Đang lập phương án tổ chức đấu giá .

- Chợ nông sản (5.890 m²) - xã Phú Lộc: Đang lập phương án đấu giá.

- Đất công (cặp bờ kè giai đoạn 2) (115,9 m²) - P. Long Thạnh: Đang lập phương án tổ chức đấu giá.

3.2. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả khai thác các khu đất năm 2024 của thị xã không đạt. Các khu đất công đăng ký đưa ra khai thác là đất sạch, đã đo đạc xong. Nguyên nhân năm 2024 chưa đưa ra khai thác là do chưa có phương án được duyệt. Hiện

đơn vị quản lý đất công đang còn vướng mắc trong việc lập, trình thẩm định phương án tổ chức đấu giá và các thủ tục theo từng bước quy trình khai thác.

3.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Việc khai thác các khu đất năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện rất thấp, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký danh mục khai thác khu đất còn dàn trải, thiếu tập trung.
- Kế hoạch khai thác, cơ chế chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư.

Việc khai thác các khu đất năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu danh mục khu đất khai thác nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung.

- Chưa lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác.

Để khắc phục nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cần các giải pháp sau:

- Các khu đất đưa ra khai thác phải lập đầy đủ các thủ tục theo quy định (phải nằm trong danh mục đất công đã được UBND tỉnh giao cho thị xã quản lý, lập kế hoạch khai thác và là đất sạch, không có tranh chấp, đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

IV. DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2024.

4.1. Kết quả khai thác

Tổng số các thửa đất đăng ký khai thác được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 5 khu đất (*Phụ lục số 04*), kết quả đến nay chưa khai thác được. Nguyên nhân là do đơn vị quản lý chưa lập phương án xác định giá đất. Hiện đơn vị quản lý đất công đang tiếp tục thực hiện lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác từng bước theo quy trình khai thác và sẽ chuyển tiếp sang năm 2025.

Các thửa đất nhỏ hẹp chưa khai thác được (5 thửa đất) gồm:

- Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Ngân hàng - Phạm Hùng) (0,005 ha; P. Long Thạnh) do chưa xác định được giá đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

- Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Phạm Hùng-Trần Phú) (0,01 ha; P. Long Thạnh) do chưa xác định được giá đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

- Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Trần Phú - ranh Long Phú) (0,04 ha; P. Long Thạnh) do chưa xác định được giá đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

- Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Công Nhân (Suốt đường) (0,03 ha; P. Long Hưng) do chưa xác định được giá đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

- Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định (Suốt đường) (0,07 ha; P. Long Hưng) do chưa xác định được giá đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

4.2. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả khai thác các thửa đất nhỏ hẹp năm 2024 của thị xã chưa thực hiện được, do đơn vị quản lý chưa xác định được giá đất. Do đó sẽ chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện.

4.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Việc khai thác các thửa đất nhỏ hẹp năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện không đạt, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký danh mục khai thác khu đất còn dàn trải, thiếu tập trung.
- Một số khu đất đăng ký còn để xảy ra tình trạng lấn chiếm, tranh chấp,... nên chưa đủ điều kiện khai thác theo quy định.
- Kế hoạch khai thác, cơ chế chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư.

Việc khai thác các thửa đất nhỏ hẹp năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu danh mục khu đất khai thác nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung.

- Chưa lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác.

Để khắc phục nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cần các giải pháp sau:

- Các khu đất đưa ra khai thác phải lập đầy đủ các thủ tục theo quy định.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

5.1. Những mặt đạt được

5.1.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

Trong năm qua, UBND thị xã đã huy động nhiều nguồn lực bằng nhiều hình thức để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, nhất là đầu tư hệ thống

giao thông, giáo dục, khu đô thị trong điều kiện các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương còn hạn chế. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất theo hướng tăng tỷ trọng diện tích đất dành cho phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch và xây dựng kết cấu hạ tầng, khai thác và phát huy tốt nguồn lực từ đất đai, do đó kinh tế - xã hội của thị xã đã đạt được thành tựu quan trọng:

- **Hiệu quả kinh tế:** Thời gian qua, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực thương mại - dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và giảm dần tỷ trọng khu vực kinh tế nông nghiệp nên hiệu quả kinh tế mang lại tương đối cao.

Quy mô nền kinh tế trên địa bàn thị xã ngày càng phát triển nhanh. Quỹ đất phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được mở rộng và đáp ứng tốt cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của địa phương, với tốc độ phát triển kinh tế ngày càng cao, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, thu nhập ngày càng tăng và bền vững hơn luôn được nâng cao về vật chất lẫn tinh thần. Thu nhập GDP bình quân đầu người luôn giữ mức ổn định, năm sau luôn cao hơn năm trước.

Trong nông nghiệp, đã cơ bản hoàn thành hệ thống đê bao kiểm soát lũ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo đúng hướng, mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất trên cùng một đơn vị diện tích.

Đất phi nông nghiệp của thị xã tuy tăng chậm nhưng cũng tương đối đáp ứng đủ các nhu cầu của xã hội. Cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông, thủy lợi từng bước được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, nạo vét và mở mới qua các năm. Việc khai thác quỹ đất phục vụ cho mục đích xây dựng, thương mại - dịch vụ luôn đạt được những kết quả khả quan.

- **Hiệu quả xã hội:** Trong năm qua, địa phương đã chủ động kêu gọi đầu tư tạo quỹ đất phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng xã hội. Việc phát triển cơ sở hạ tầng đã đáp ứng được phần nào về nhu cầu xã hội, số lượng cơ sở và chất lượng phục vụ luôn được nâng cao. Đảm bảo nhu cầu đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, ưu tiên giải quyết chỗ ở ổn định cho những hộ dân nằm trong vùng lũ, những hộ xây cất nhà trên sông, kênh rạch, những hộ bị thu hồi đất. Mặt khác, diện tích đất dành cho xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như giao thông, thủy lợi, giáo dục,... ngày càng tăng góp phần tích cực trong việc nâng cao đời sống đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ của người dân.

- **Hiệu quả về môi trường:** Cùng với sự đầu tư quỹ đất để phát triển kinh tế - xã hội thì vấn đề môi trường trong thời gian qua cũng được địa phương chú

trọng quan tâm đầu tư. Hiện tại trong sản xuất nông nghiệp đã xuất hiện tình trạng thoái hóa, ô nhiễm đất và ô nhiễm nguồn nước mặt. Đây là những vấn đề mà bất kỳ phương án phát triển sản xuất nào cũng gặp phải, do vậy tỉnh đã kịp thời cho tiến hành quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh và đưa ra các giải pháp khắc phục.

Đồng thời, tăng cường áp dụng các mô hình sản xuất sinh thái bền vững trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh nhằm cải tạo độ phì của đất. Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cần áp dụng các mô hình xử lý nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có giấy phép môi trường, đặc biệt các cơ sở chế biến thủy sản phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường theo quy định hiện hành.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên đã góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu ô nhiễm đất, khói bụi do các hoạt động sản xuất của con người gây ra. Với việc quan tâm đầu tư, khắc phục dần những hạn chế thì trong tương lai vấn đề môi trường của địa phương sẽ được giải quyết triệt để, việc phát triển kinh tế - xã hội sẽ được đảm bảo và bền vững hơn.

5.1.2. Tính hợp lý của cơ cấu sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất của thị xã trong năm qua và trong tương lai đang có chiều hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành phi nông nghiệp nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng. Qua đó cho thấy, nguồn tài nguyên đất của thị xã được khai thác sử dụng một cách hợp lý và triệt để, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp chiếm 77,70% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong nội bộ đất nông nghiệp thì đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ cao nhất với 71,98% diện tích đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm chiếm 13,84%, đất trồng cây hàng năm khác chiếm 10,99%, còn lại là đất nuôi trồng thủy sản chiếm 3,19%. Đặc điểm khí hậu, thủy văn, điều kiện thổ nhưỡng của địa phương tương đối thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi góp phần tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn thị xã.

- Đất phi nông nghiệp chiếm 21,80% diện tích đất tự nhiên. Trong nội bộ đất phi nông nghiệp thì đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối chiếm tỷ lệ cao nhất với 46,14% diện tích đất phi nông nghiệp, đất ở đô thị chiếm 18,07%, đất sử dụng vào mục đích công cộng chiếm 23,26% (gồm các loại đất phục vụ cho mục đích công cộng như đất giao thông, thủy lợi, chợ, công trình năng lượng, công trình bưu chính viễn thông,...), còn lại là các loại đất khác. Qua đó cho

thấy, cơ sở hạ tầng được địa phương chú trọng quan tâm đầu tư đúng mức đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

5.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do tâm lý sợ thiếu dự án, có dự án không cần thu hồi đất, dân hiến đất nhưng vẫn đăng ký vào kế hoạch.

- Các dự án chưa triển khai đa số có căn cứ pháp lý chưa đảm bảo theo quy định và có nhiều dự án đăng ký nhưng chưa được phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Một số khu đất đăng ký chưa được đo đạc, còn tình trạng lấn chiếm, tranh chấp,... nên chưa đủ điều kiện khai thác theo quy định, dẫn đến kết quả đạt thấp.

- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện.

- Do điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

5.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu dự án nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung. Cụ thể dự án đã đầu tư xây dựng xong nhưng địa phương vẫn đăng ký, dự án không cần thu hồi đất của dân, dân hiến đất nhưng vẫn đăng ký; dự án chưa đảm bảo trình tự phê duyệt đầu tư theo quy định vẫn đăng ký,...

- Đối với các khu đất do chưa lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch thấp.

- Vẫn có nhiều dự án do doanh nghiệp đầu tư, tự phê duyệt vốn, vốn TW nhưng đăng ký thiếu, phát sinh mới trong giai đoạn đăng ký nên dẫn đến tổng hợp thiếu.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án theo kế hoạch còn hạn chế. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thấp.

- Chính sách đất đai và cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

5.4. Giải pháp và kiến nghị

Để kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được khả thi cần các giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất (có căn cứ pháp lý theo quy định, có nguồn vốn phân bổ trong năm và tính khả thi của dự án đăng ký).

- Các khu đất đưa ra khai thác phải lập đầy đủ các thủ tục theo quy định (phải nằm trong danh mục đất công đã được UBND tỉnh giao cho thị xã quản lý, lập kế hoạch khai thác và là đất sạch, không có tranh chấp, đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

Một số kiến nghị để Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 mang tính khả thi và đạt kết quả cao:

- Cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức hiểu và nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

- Cần tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất cũng như xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương.

PHẦN III KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

I. CHỈ TIÊU TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng 4: Diện tích các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt và kế hoạch năm 2025

DVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt đến 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.764,27	12.685,26	13.752,76	1.067,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.892,60	8.768,88	9.892,52	1.123,64
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	9.892,60	8.768,88	9.892,52	1.123,64
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK				
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.515,66	1.325,13	1.511,20	186,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.909,45	1.937,59	1.903,95	-33,64
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	446,56	496,15	445,09	-51,06
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.9	Đất làm muối	LMU				
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	157,50	0	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	3.745,92	4.987,68	3.757,43	-1.230,25
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	664,83	793,42	671,04	-122,38
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	255,73	655,67	266,91	-388,76
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,13	17,46	13,13	-4,33
2.4	Đất quốc phòng	CQP	5,47	38,38	5,47	-32,91
2.5	Đất an ninh	CAN	1,82	1,82	1,82	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	63,16	0,70	65,44	64,74
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,93	4,62	2,93	-1,69
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,36	5,15	4,36	-0,79
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,21	51,23	48,49	-2,74

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt đến 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	8,65	17,95	8,65	-9,30
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,00	1,00	1,00	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	56,75	31,89	56,91	25,02
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			-	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,58	164,32	0,58	-163,74
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			-	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	31,37	331,81	31,37	-300,44
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	24,81	31,89	24,97	-6,92
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	887,12	1.023,17	882,73	-140,44
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	495,23	647,45	496,50	-150,95
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	367,45	344,18	357,75	13,57
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,79	0	0,79	0,79
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	14,05	0	18,09	4,04
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0	0,26	0	0
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,81	11,82	2,81	-9,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,16	1,15	1,16	0,01
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,36	0,56	0,36	-0,20
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,15	8,39	3,15	-5,24
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,13	9,36	2,13	-7,23
2.9	Đất tôn giáo	TON	18,99	19,75	18,99	-0,76
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,99	4,99	4,99	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt đến năm 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	30,77	34,92	30,74	-4,18
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.743,16	1.789,33	1.739,26	-50,07
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC				
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.743,16	1.789,33	1.739,26	-50,07
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	162,74	-	162,74	0,00
	Trong đó:	-			-	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	162,74	-	162,74	0,00
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS				
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS				
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS				

1.1. Đất nông nghiệp

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 12.685,26 ha, kết quả thực hiện được 13.764,27 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 13.752,76 ha, cao hơn 1.067,50 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030.

- Đất trồng lúa: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 8.768,88 ha, kết quả thực hiện được 9.892,6 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 9.892,52 ha, cao hơn 1.123,64 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chưa đưa vào thực hiện các dự án quy hoạch được duyệt như: Vùng cây ăn trái chuyên canh (từ kênh nhánh Đông đến kênh Cùn) (650,00 ha; Phú Lộc và Vĩnh Xương); Dự kiến quỹ đất chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác (150,00 ha; toàn thị xã)... và nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 1.325,13 ha, kết quả thực hiện được 1.515,66 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.511,20 ha, cao hơn 186,07 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chưa đưa vào thực hiện các dự án quy hoạch được duyệt như: Vùng chuyên canh hoa màu ứng dụng công nghệ cao (189,00 ha; Tân Thạnh);... và Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất trồng cây lâu năm: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 1.937,59 ha, kết quả thực hiện được 1.909,45 ha. Chỉ tiêu địa phương

xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.903,95 ha, thấp hơn 33,64 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 496,15 ha, kết quả thực hiện được 446,56 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 445,09 ha, thấp hơn 51,06 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 157,50 ha, kết quả không thực hiện được, thấp hơn 157,50 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu này theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thì địa phương không xác định.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 4.987,68 ha, kết quả thực hiện được 3.745,92 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3.757,43 ha, thấp hơn 1.230,25 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 793,42 ha, kết quả thực hiện được 664,83 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 671,04 ha, thấp hơn 122,38 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 655,67 ha, kết quả thực hiện được 255,73 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 266,91 ha, thấp hơn 388,76 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 17,46 ha, kết quả thực hiện được 13,13 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 13,13 ha, thấp hơn 4,33 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất quốc phòng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 38,38 ha, kết quả thực hiện được 5,47 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 5,47 ha, thấp hơn 32,91 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Tân Châu theo Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 1,82 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1,82 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030. Chỉ tiêu địa

phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,82 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Tuy nhiên, theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì chỉ tiêu đất an ninh quy hoạch là 8,58ha. Hiện chỉ tiêu này đã cập nhật lại trong phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã hiện đang trình tỉnh phê duyệt, nên trong kỳ kế hoạch năm 2025 chưa có đủ cơ sở để so sánh. Do đó, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 vẫn phải so sánh với chỉ tiêu theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 0,70 ha, kết quả thực hiện được 63,16 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 65,44 ha, cao hơn 64,74 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở văn hóa: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 4,62 ha, kết quả thực hiện được 2,93 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,93 ha, thấp hơn 1,69 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở y tế: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 chỉ tiêu đất cơ sở y tế là 5,15 ha, kết quả thực hiện được 4,36 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 4,36 ha, thấp hơn 0,79 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 51,23 ha, kết quả thực hiện được 46,21 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 48,49 ha, thấp hơn 2,74 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở thể dục thể thao: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 17,95 ha, kết quả thực hiện được 8,65 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 8,65 ha, thấp hơn 9,3 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1,0 ha, kết quả thực hiện được 1,0 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1 ha, không thay đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 164,32 ha, kết quả thực hiện được 0,58 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,58 ha, thấp hơn 163,74 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 331,81 ha, kết quả thực hiện được 31,37 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 31,37 ha, thấp hơn 300,44 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 31,89 ha, kết quả thực hiện được 24,81 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 24,97 ha, thấp hơn 6,92 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1.023,17 ha, kết quả thực hiện được 887,12 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 882,73 ha, thấp hơn 140,44 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất giao thông: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 647,45 ha, kết quả thực hiện được năm 2024 là 495,23 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 496,50 ha, thấp hơn 150,95 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất thủy lợi: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 344,18 ha, kết quả thực hiện năm 2024 được 367,45 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 357,75 ha, thấp hơn 9,7 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Đất thủy lợi giảm 9,70 ha so với năm 2023 để thực hiện dự án San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu (phường Long Phú) (9,70 ha) (*Quyết định số 6216/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã Tân Châu về việc phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu*).

- Đất công trình cấp nước, thoát nước: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 thì chỉ tiêu này theo quy định không có. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,79 ha.

- Đất công trình phòng chống thiên tai: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 thì chỉ tiêu này theo quy định không có. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 14,05 ha.

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1,15 ha, kết quả thực hiện được 1,16 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,16 ha, cao hơn 0,01 ha, là do có sự thay đổi trong thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2020, 2022.

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 0,56 ha, kết quả thực hiện được 0,36 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,36 ha, thấp hơn 0,2 ha, là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 8,39 ha, kết quả thực hiện được 3,15 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3,15 ha, thấp hơn 5,24 ha, là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 9,36 ha, kết quả thực hiện được 2,13 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,13 ha, thấp hơn 7,23 ha, là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tôn giáo: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 19,75 ha, kết quả thực hiện được 18,99 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 18,99 ha, thấp hơn 0,76 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tín ngưỡng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 4,99 ha, kết quả thực hiện được 4,99 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 4,99 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 34,92 ha, kết quả thực hiện được 30,77 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 30,74 ha, thấp hơn 4,18 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1.789,33 ha, kết quả thực hiện được 1.743,16 ha. Chỉ tiêu địa phương xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.739,26 ha, thấp hơn 50,07 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do trước đây thống kê loại đất theo hiện trạng sử dụng (đất bãi bồi ven sông). Qua Kết luận thanh tra số 2384/KL-STNMT ngày 09/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc thực hiện trách nhiệm quản lý, sử dụng đất bãi bồi của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu thì thống kê lại là đất có mặt nước chuyên dùng, đất chưa sử dụng.

1.3. Đất chưa sử dụng

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 không còn, tuy nhiên theo thống kê hiện trạng 2023 còn 162,74 ha. Chỉ tiêu địa phương xác

định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 162,74 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2024 đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện chi tiết trong ***Biểu 17.CH***.

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã năm 2025. Căn cứ vào Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Tân Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu được tổng hợp và cân đối, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp: Diện tích 13.752,76 ha, chiếm 77,84% diện tích đất tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: Diện tích 3.757,43 ha, chiếm 21,22 diện tích đất tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: Diện tích 162,74 ha, chiếm 0,92% diện tích đất tự nhiên.

2.1.1. Đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Diện tích đến năm 2025 là 9.892,52 ha, giảm 0,08 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất thương mại, dịch vụ, đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích đến năm 2025 là 1.511,2 ha, giảm 4,46 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất thương mại, dịch vụ, đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đến năm 2025 là 1.903,95 ha, giảm 5,5 ha so với năm 2024 để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân; diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất thương mại, dịch vụ, đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đến năm 2025 là 445,09 ha, giảm 1,47 ha so với năm 2024 để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân; diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn tăng thêm 6,21 ha, chủ yếu để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân cho 9 xã.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị tăng thêm 12,67 ha, chủ yếu để San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú -Phú Vĩnh và đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân cho 5 phường. Tuy nhiên, trong kỳ đất ở tại đô thị giảm 1,49 ha cho mục đích công trình công cộng. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất ở tại đô thị thực tăng là 11,81 ha so với hiện trạng.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025, diện tích đất công trình sự nghiệp là 65,44 ha tăng thêm 2,28 ha. Chủ yếu là đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Năm 2025, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo là 48,49 ha tăng thêm 2,28 ha, chủ yếu để tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Vĩnh Xương, Trường THCS Lê Chánh, Trường THCS Phú Vĩnh, Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân); Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1), Trường THCS Lê Chánh (xã Lê Chánh), Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1) (xã Lê Chánh), Trường THCS Phú Lộc (xã Phú Lộc), Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên) (xã Phú Lộc).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất thương mại, dịch vụ tăng thêm 0,16 ha, chủ yếu để mở mới Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh (phường Long Thạnh).

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025, diện tích sử dụng vào mục đích công cộng tăng thêm 16,33 ha. Tuy nhiên, trong kỳ đất sử dụng vào mục đích công cộng giảm 9,22 ha, cho mục đích đất thủy lợi 9,7ha, đất giao thông 0,22 ha. Trong đó:

+ Đất giao thông: trong kỳ kế hoạch tăng 1,49ha để thực hiện các công trình, dự án như: Nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952); Nâng cấp mở rộng đường Tôn Đức Thắng từ đường Trần Phú đến Tỉnh 953 (giao thông+thoát nước+vía hè+son vạch kẻ đường và biển báo hiệu giao thông). Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất loại đất này thực giảm là 8,25 ha so với hiện trạng.

+ Đất thủy lợi: trong kỳ kế hoạch giảm 9,7 ha để thực hiện các công trình San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) để phát triển tuyến dân cư bố trí quỹ đất ở. Đến cuối năm kế hoạch, đất thủy lợi có 357,75 ha, chiếm 9,52% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất công trình phòng chống, chống thiên tai: tăng 4,04 ha để thực hiện các công trình Tuyến kẻ bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất công trình phòng, chống thiên tai 18,09 ha.

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

Về nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân: Theo Công văn số 852/BTNMT-QHPTTND ngày 10/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác (gồm cả trường hợp có dự án hay không có dự án) cần phải có Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trên cơ sở đó, trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu chỉ đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn và đất ở đô thị. Tuy nhiên, địa phương sẽ đăng ký bổ sung chỉ tiêu nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang đất ở vào kỳ kế hoạch sau.

Qua ra soát nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong những năm qua để dự báo nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân năm 2025 theo từng xã, phường như sau:

Bảng 5: Nhu cầu đăng ký cho phép chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong kế hoạch sử dụng năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở		
		Tổng Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	
	Tổng số	9,17	CLN	HNK
1	Phường Long Châu	0,35	0,11	0,23
2	Phường Long Hưng	0,05	0,01	0,04
3	Phường Long Phú	0,75	0,22	0,53
4	Phường Long Sơn	0,87	0,51	0,36
5	Phường Long Thạnh	0,95	0,60	0,35
6	Xã Lê Chánh	0,34	0,32	0,03
7	Xã Châu Phong	0,79	0,21	0,58
8	Xã Long An	0,54	0,03	0,51
9	Xã Phú Lộc	0,49	0,38	0,11
10	Xã Phú Vĩnh	0,69	0,44	0,26
11	Xã Tân An	1,03	0,52	0,51
12	Xã Tân Thạnh	0,69	0,63	0,06
13	Xã Vĩnh Xương	1,02	0,60	0,44
14	Xã Vĩnh Hòa	0,58	0,17	0,41

Các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình cá nhân phải phù hợp với phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Tân Châu đã được phê duyệt tại Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu thị xã Tân Châu.

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 671,04 ha; diện tích đất ở tại nông thôn tăng là 6,21 ha (đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân) sử dụng từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 2,91 ha, đất trồng cây lâu năm 3,3 ha. Đến cuối năm kế hoạch 2025, đất ở tại nông thôn đạt 671,04 ha, chiếm 17,86% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 266,91 ha; diện tích đất ở tại đô thị tăng là 12,67 ha (San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu (phường Long Phú), Đất phường đội (phường Long Sơn), Đất nông nghiệp Long Thành 3 (phường Long Sơn) và đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở đô thị của hộ gia đình, cá nhân) do chuyển từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 1,51 ha, đất trồng cây lâu năm 1,46 ha, đồng thời diện tích đất ở tại đô thị giảm là 1,49 ha do chuyển sang đất giao thông 1,49 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất ở tại đô thị đạt 266,91 ha, chiếm 39,78% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025, diện tích đất công trình sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 65,44 ha tăng thêm 2,28 ha, chủ yếu là đất cơ sở giáo dục và đào tạo để bố trí quỹ đất xây mới, mở rộng các công trình Trường học để đạt chuẩn nông thôn mới.

Năm 2025, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 48,49 ha tăng thêm 2,28 ha, chủ yếu để tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Vĩnh Xương, Trường THCS Lê Chánh, Trường THCS Phú Vĩnh, Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân); Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1), Trường THCS Lê Chánh (xã Lê Chánh), Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1) (xã Lê Chánh), Trường THCS Phú Lộc (xã Phú Lộc), Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên) (xã Phú Lộc). Đến cuối năm kế hoạch, đất cơ sở giáo dục và đào tạo có 48,49 ha, chiếm 1,28% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 24,97 ha, tăng 0,66 ha để mở mới Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh

(phường Long Thạnh). Đến cuối năm kế hoạch, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đạt 37,68 ha, chiếm 0,97% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 882,73 ha, tăng là 16,33 ha, cụ thể như sau:

+ Đất giao thông trong kỳ kế hoạch tăng 1,49 ha để thực hiện các công trình, dự án như: Nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952); Nâng cấp mở rộng đường Tôn Đức Thắng từ đường Trần Phú đến Tỉnh 953 (giao thông+thoát nước+vía hè+son vạch kẻ đường và biển báo hiệu giao thông), đồng thời trong kỳ giảm 0,12ha để chuyển sang đất giáo dục. Đến cuối năm kế hoạch, đất giao thông là 496,5 ha, chiếm 13,21% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất thủy lợi trong kỳ kế hoạch giảm 9,7 ha để thực hiện các công trình San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) để phát triển tuyến dân cư bố trí quỹ đất ở. Đến cuối năm kế hoạch 2025, đất thủy lợi có 357,75 ha, chiếm 9,52% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất công trình phòng chống, chống thiên tai tăng 4,04 ha, sử dụng từ đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ 4,0 ha và đất trồng cây hàng năm khác 0,04 ha để thực hiện các công trình Tuyến kẻ bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất công trình phòng, chống thiên tai 18,09 ha, chiếm 0,48% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thị xã; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 - 2025 của thị xã; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của các xã, phường thuộc thị xã. Sau khi cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ và do thị xã xác định, xác định bổ sung, phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Tân Châu như sau:

- Đất nông nghiệp: Diện tích là 13.752,76 ha, chiếm 77,84% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 3.757,43 ha, chiếm 21,22 diện tích đất tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích là 162,74 ha, chiếm 0,92% diện tích đất tự nhiên.

3.1. Đất nông nghiệp

Căn cứ chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp do tỉnh phân bổ; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của thị xã Tân Châu. Đến năm 2025, diện tích

đất nông nghiệp là 13.752,76 ha, chiếm 78% diện tích đất tự nhiên, giảm 11,51 ha so với năm 2024, chủ yếu để chuyển sang đất phi nông nghiệp.

a) Đất trồng lúa

Đến năm 2025, diện tích đất trồng lúa của thị xã còn lại 9.892,52 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa nước), chiếm 72% diện tích đất nông nghiệp, giảm 0,08 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng lúa được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng lúa được bảo vệ ổn định, giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 9.892,52 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa nước).

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất sử dụng vào mục đích công cộng (đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo), giảm 0,08 ha.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của thị xã còn lại 1.511,20 ha, chiếm 10,99% diện tích đất nông nghiệp, giảm 4,46 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng cây hàng năm khác được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng cây hàng năm khác được giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 1.511,20 ha.

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất trồng cây hàng năm khác giảm 4,46 ha, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,91 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,51 ha.
- + Chuyển sang phòng chống thiên tai 0,04 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm của thị xã có 1.903,95 ha, chiếm 13,84% diện tích đất nông nghiệp, giảm 5,5 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng cây lâu năm được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng cây lâu năm được giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 1.903,95 ha.

- *Diện tích giảm*: Để đáp ứng nhu cầu đất công trình công cộng (đất giao thông), đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị, đất trồng cây lâu năm giảm 5,5 ha, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 3,3 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,46 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,58 ha.
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp 0,16 ha.

d) Đất nuôi trồng thủy sản

Với định hướng phát triển thủy sản theo hướng chất lượng, hiệu quả, phù hợp với các điều kiện tự nhiên về nguồn nước, khí hậu,... Đến năm 2025, đất nuôi trồng thủy sản của thị xã là 445,09 ha, chiếm 3,2% diện tích đất nông nghiệp, giảm 1,47 ha so với năm 2024.

**** Đất nuôi trồng thủy sản được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất*: Đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng là 445,09 ha.

- *Diện tích giảm*: Để đáp ứng nhu cầu đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị, đất nuôi trồng thủy sản giảm 1,47 ha, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 4,5 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 2,5 ha.
- + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng(đất giáo dục) 1,47 ha.

3.2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2025, đất phi nông nghiệp của thị xã tăng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng công trình sự nghiệp, phát triển đô thị, các khu dân cư, trụ sở cơ quan,... Đến năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp là 3.757,43 ha, chiếm 21,26% diện tích đất tự nhiên, tăng 15,34 ha so với năm 2024, chủ yếu tăng chỉ tiêu đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan. Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 kỳ kế hoạch đất phi nông nghiệp như sau:

a) Đất ở tại nông thôn

Đến năm 2025, đất ở tại nông thôn của thị xã là 671,04 ha, chiếm 17,86% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 6,21 ha so với năm 2024.

**** Đất ở tại nông thôn được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng là 671,04 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất ở tại nông thôn tăng 6,21ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 2,91 ha, đất trồng cây lâu năm 3,3 ha để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân.

Bên cạnh đó, trong năm kế hoạch, địa phương còn có kế hoạch khai thác quỹ đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Tân An và xã Phú Lộc (chi tiết thể hiện trong **Phụ lục số 06**).

b) Đất ở tại đô thị

Đến năm 2025, đất ở tại đô thị của thị xã là 275,54 ha, chiếm 7,29% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 12,67 ha so với năm 2024.

**** Đất ở tại đô thị được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng là 275,54 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất ở tại đô thị tăng 12,67 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng lúa 3,5 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,51 ha, đất trồng cây lâu năm 1,46 ha và đất sử dụng vào mục đích công cộng 9,70 ha (đất thủy lợi) để thực hiện dự án San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu (phường Long Phú), chuyển công năng đất phường đội (phường Long Sơn) (0,18 ha), đất nông nghiệp Long Thạnh 3 (phường Long Sơn) (0,14 ha) và đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân.

- *Diện tích giảm:* Đất ở tại đô thị giảm 1,49 ha do chuyển sang đất giao thông.

Bên cạnh đó, trong năm kế hoạch, địa phương còn có kế hoạch khai thác quỹ đất ở tại đô thị trên địa bàn phường Long Thạnh và phường Long Hưng (chi tiết thể hiện trong **(Phụ lục số 06)**).

c) Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Đến năm 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp của thị xã là 65,44 ha, chiếm 1,73% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,28 ha so với năm 2024, chủ yếu là đất cơ sở giáo dục và đào tạo để bố trí quỹ đất xây mới, mở rộng các công trình Trường học để đạt chuẩn nông thôn mới.

****Đất xây dựng công trình sự nghiệp được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất xây dựng công trình sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng là 65,44 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 2,28 ha, lấy vào đất chuyên trồng lúa 0,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,58ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,47 ha, đất giao thông 0,12 ha.

d) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:

Năm 2025, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thị xã là 24,97 ha, chiếm 0,66% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,16 ha so với năm 2024.

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng là 24,97 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 0,16 ha, lấy vào đất trồng cây lâu năm để mở mới Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh (phường Long Thạnh).

Bên cạnh đó, trong năm kế hoạch, địa phương còn có kế hoạch khai thác quỹ đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Châu Phong (chi tiết thể hiện trong **(Phụ lục số 06)**).

e).Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của thị xã là 48,49 ha, chiếm 1,28% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,28 ha so với năm 2024 để thực hiện các công trình, dự án như:

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng là 48,49 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 2,28 ha, lấy vào đất trồng cây lâu năm 0,58 ha, đất chuyên trồng lúa 0,08 ha đất nuôi trồng thủy sản 1,47 ha, để thực hiện các công trình, dự án như:

Bảng 6: Danh mục các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đăng ký thực hiện kỳ kế hoạch đến năm 2025

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (ha)
1	Trường THCS Vĩnh Xương	Vĩnh Xương	1,23
2	Trường THCS Lê Chánh	Lê Chánh	0,73
3	Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia	Phú Vĩnh	0,26
4	Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hoà Tân)	Tân Thạnh	0,32

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (ha)
5	Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1)	Lê Chánh	0,47
6	Trường THCS Phú Lộc	Phú Lộc	0,69
7	Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên)	Phú Lộc	0,69
8	Trường Tiểu học A Long An điểm chính (Long Hiệp)	Long An	0,61
9	Trường Tiểu học Long Phú điểm chính (Long Quới B)	Long Phú	0,86
10	Trường THCS Long Phú	Long Phú	0,65
11	Trường THCS Tân Thạnh	Tân Thạnh	0,83
12	Trường Mẫu giáo Long Châu	Long Châu	0,19
13	Trường TH Long Châu điểm chính (Long Hưng)	Long Châu	0,33
14	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Điểm chính (Giồng Trà Dên)	Tân Thạnh	0,68
15	Trường Mẫu Giáo Tân Thạnh điểm phụ (Tân Phú)	Tân Thạnh	0,34
16	Trường THCS Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	1,17
17	Trường Trung học cơ sở Phú Vĩnh; Hạng mục: Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	Phú Vĩnh	0,82
18	Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương điểm chính (ấp 2); Hạng mục: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Vĩnh Xương	0,43
19	Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn thị xã Tân Châu giai đoạn 2021-2025	Thị xã Tân Châu	0,21

f) Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Trên cơ sở chỉ tiêu tính phân bổ, quỹ đất sử dụng vào mục đích công cộng của thị xã và nhu cầu sử dụng đất của các ngành giao thông, thủy lợi,... Đến năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của thị xã là 882,73 ha, chiếm 23,5% diện tích phi nông nghiệp, giảm 9,82 ha so với năm 2024.

**** Đất sử dụng vào mục đích công cộng được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất sử dụng vào mục đích công cộng không thay đổi mục đích sử dụng là 882,73 ha.

- *Diện tích giảm:* Đất sử dụng vào mục đích công cộng giảm 9,82 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị 9,7 ha và 0,12 ha chuyển sang đất giáo dục.

- *Diện tích tăng*: Đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 16,33 ha, lấy vào các loại đất: đất ở tại đô thị 1,49 ha, đất có mặt nước sông, ngòi, kênh, rạch 4 ha và chu chuyển nội bộ giữa các nhóm đất này để thực hiện các công trình, dự án như sau:

➤ *Đất giao thông*: Đến năm 2025, diện tích đất giao thông của thị xã là 496,5 ha, chiếm 57% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Trong đó, đất giao thông giảm 0,12 ha (do chuyển sang xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo) và tăng 1,49 ha từ đất ở đô thị để thực hiện các công trình, dự án như:

- Nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952) 4,09ha - phường Long Châu

- Nâng cấp mở rộng đường Tôn Đức Thắng từ đường Trần Phú đến Tỉnh 953 (giao thông+thoát nước+vía hè+sơn vạch kẻ đường và biển báo hiệu giao thông) 1,19 ha - Phường Long Thạnh.

- Đường sau Sông Tiền nối bờ Bắc kênh Km5 (Đoạn từ ngã tư Kênh Km2 đến bờ Bắc Kênh Km5); Hạng mục: Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

➤ *Đất công trình phòng, chống thiên tai*: Đến năm 2025, diện tích đất công trình phòng, chống thiên tai của thị xã là 18,09 ha, tăng 4,04 ha chiếm 2,05% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, sử dụng từ đất có mặt nước sông, ngòi, kênh, rạch 4 ha và từ đất trồng cây hàng năm khác 0,04ha chuyển sang để thực hiện các công trình: Tuyến kè bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong với diện tích 4,04 ha.

Đất công trình xử lý chất thải: Đến năm 2025, diện tích đất công trình phòng, chống thiên tai của thị xã là 2,81 ha, chiếm 0,32% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, để thực hiện công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cụm, tuyến dân cư trên địa bàn xã Lê Chánh 90m², sử dụng phần diện tích đất công để xây dựng công trình.

g). Đất quốc phòng:

Đến năm 2025, diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng đất của thị xã là 5,47 ha, chiếm 0,15% diện tích đất phi nông nghiệp giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024.

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thị xã Tân Châu được phê duyệt tại Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu đất quốc phòng thị xã không có đăng ký danh mục dự án nhu cầu thực hiện trong kỳ kế hoạch năm 2025.

h). Đất an ninh:

Đến năm 2025, diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng đất của thị xã là 1,82 ha, chiếm 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024.

Chỉ tiêu đất an ninh trong kỳ kế hoạch 2025 có diện tích 1,82 ha thấp hơn 6,76 ha so với số liệu quy hoạch ngành 8,58 ha (theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050), chỉ tiêu này có sự chênh lệch là do khác nhau về thời điểm lập quy hoạch giữa 2 ngành nên chưa cập nhật thêm định hướng quy hoạch của chỉ tiêu này. Chỉ tiêu này đã cập nhật theo quy hoạch ngành trong phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã đến năm 2030. Song song đó, trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chỉ đăng ký thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy Chứng nhận QSDĐ theo hiện trạng sử dụng đất cho 4 Trụ sở Công an phường gồm: Trụ sở công an phường Long Thạnh 0,09 ha; Trụ sở công an phường Long Hưng 0,09 ha; Trụ sở công an phường Long Sơn 0,07 ha; Trụ sở công an phường Long Châu 0,08 ha.

j) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Theo nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thì chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trong kỳ không đăng ký nhu cầu cho chỉ tiêu này.

Theo số liệu thống kê đất đai hiện trạng sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu này trên địa bàn thị xã không có. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023. Danh mục quy hoạch khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn thị xã gồm có các mỏ khoáng sản tại khu vực xã Vĩnh Xương với quy mô 279,1 ha và khu vực mỏ khoáng sản tại khu vực xã Vĩnh Hòa - Tân An: 222,4 ha.

Bên cạnh đó, theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục khu vực khoáng sản cát sông phục vụ nguồn vật liệu cho các dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh An Giang. Trên cơ sở pháp lý đã được duyệt thì một số dự án hiện có giấy phép khai thác còn hiệu lực trên địa bàn thị xã gồm có: Dự án nạo vét, chỉnh trị dòng chảy, hạn chế sạt lở đường bờ sông Tiền khu vực xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu với chiều dài 3.500m, trữ lượng phân bổ ước tính $1.200.000m^3$. Khu vực khoáng sản cát sông phục vụ nguồn vật liệu cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, đoạn qua tỉnh An Giang (do chủ dự án là Liên danh Công ty TNHH Châu Phát và Công ty TNHH XD Tân Hàn Châu được UBND tỉnh cho thu hồi khoáng sản Bản xác nhận số 170/XN-UBND ngày

05/4/2021 (Thời hạn: Cty Châu Phát đến ngày 20/8/2025; Cty Tân Hàn Châu ngày 05/4/2026).

Đồng thời, theo Quyết định số 1542 /QĐ-UBND ngày 25/9/2023 UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục các mỏ hiện trạng không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn gồm khu vực trên sông Tiền, xã Vĩnh Xương 52,75 ha; trên sông Tiền thuộc xã Vĩnh Hòa 27,9 ha; trên sông Tiền thuộc xã Vĩnh Hòa 49 ha; Nhánh phải sông Tiền đoạn qua xã Vĩnh Xương - Vĩnh Hòa 48 ha. Tuy nhiên, theo nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thì chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trong kỳ kế hoạch năm 2025 không có đăng ký nhu cầu danh mục dự án thực hiện cho chỉ tiêu này. Hiện tại chỉ thực hiện các mỏ khoáng sản có sẵn tại hiện trạng các khu vực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt cấp phép khai thác.

IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,08 ha. Các công trình có sử dụng 1 phần đất trồng lúa, để thực hiện cho việc mở rộng Trường tiểu học Lê chánh (điểm phụ)- Vĩnh Thạnh 1.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 4,42 ha. Các công trình có sử dụng 1 phần trồng cây hàng năm khác để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân)....;

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 5,5 ha. Các công trình có sử dụng 1 phần trồng cây lâu năm để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới như: Trường THCS Vĩnh Xương; Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia, Trường Mẫu giáo Long Châu; Trường Tiểu học Long Châu điểm chính (Long Hưng); Trường THCS Long Phú; Trường THCS Tân Thạnh, Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh và nhu cầu đất ở hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 1,47 ha. Các công trình có sử dụng 1 phần trồng cây lâu năm để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới như: Trường THCS Lê Chánh; Trường THCS Phú Lộc; Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên) và nhu cầu đất ở hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI

Diện tích đất cần thu hồi năm 2025 trên địa bàn thị xã Tân Châu là 2,36 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp là 0,84 ha. Trong đó: thu hồi từ đất trồng lúa 0,08 ha, để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới Trường tiểu học Lê chánh (điểm phụ)- Vĩnh Thạnh 1; đất trồng cây lâu năm 0,58 ha, để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới Trường THCS Vĩnh Xương 0,2ha, Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh 0,26 ha, Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân) 0,12ha; từ đất nuôi trồng thủy sản 0,18 ha để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới Trường THCS Lê Chánh.

- Đất phi nông nghiệp là 1,52 ha. Trong đó: thu hồi đất ở đô thị 1,49 ha tại phường Long Châu để mở rộng nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952); đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,03ha, để thực hiện cho việc mở rộng, xây mới Trường tiểu học Lê chánh (điểm phụ)- Vĩnh Thạnh 1.

VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.

Bảng 7: Danh mục các công trình, dự án đăng ký thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (xã/phường)
1	Tuyến kè bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong	4,04	Châu Phong
2	Trường THCS Vĩnh Xương	1,23	Vĩnh Xương
3	Trường THCS Lê Chánh	0,73	Lê Chánh
4	Tạo quỹ đất xây dựng Trường THCS Phú Vĩnh đạt chuẩn quốc gia	0,26	Phú Vĩnh
5	Nâng cấp đường Trần Phú (ĐT 952)	4,09	Long Châu
6	Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Hòa Tân)	0,32	Tân Thạnh
7	Trường Tiểu học Lê Chánh điểm phụ (Vĩnh Thạnh 1)	0,47	Lê Chánh
8	Bãi chứa vật liệu xây dựng Hữu Hạnh	0,16	Long Thạnh
9	Trường THCS Phú Lộc	0,69	Phú Lộc
10	Trường Tiểu học Phú Lộc điểm chính (Phú Yên)	0,69	Phú Lộc
11	Trường Tiểu học A Long An điểm chính (Long Hiệp)	0,61	Long An
12	Trường Mẫu giáo Long Châu	0,19	Long Châu
13	Trường Tiểu học Long Châu điểm chính (Long Hưng)	0,33	Long Châu
14	Trường Tiểu học Long Phú điểm chính (Long Quới B)	0,86	Long Phú

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (xã/phường)
15	Trường THCS Long Phú	0,65	Long Phú
16	Trường THCS Tân Thạnh	0,83	Tân Thạnh
17	San lấp kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh), phường Long Phú, thị xã Tân Châu	59,00	Long Phú, Long Hưng
18	Nâng cấp mở rộng đường Tôn Đức Thắng từ đường Trần Phú đến Tỉnh 953 (giao thông+thoát nước+vía hè+sơn vạch kẻ đường và biển báo hiệu giao thông)	1,19	Long Thạnh
19	Trụ sở BHXH thị xã Tân Châu	0,08	Long Hưng
20	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Châu Phong	0,13	Châu Phong
21	Trụ sở UBND phường Long Phú	0,05	Long Phú
22	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Điểm chính (Giồng Trà Dên)	0,68	Tân Thạnh
23	Trường Mẫu Giáo Tân Thạnh điểm phụ (Tân Phú)	0,34	Tân Thạnh
24	Trường THCS Vĩnh Hòa	1,17	Vĩnh Hòa
25	Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn thị xã Tân Châu giai đoạn 2021-2025	0,21	Thị xã Tân Châu
26	Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh	0,53	Long Thạnh
27	Trường Trung học cơ sở Phú Vĩnh; Hạng mục: Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	0,82	Phú Vĩnh
28	Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương điểm chính (ấp 2); Hạng mục: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	0,43	Vĩnh Xương
29	Đường sau Sông Tiền nối bờ Bắc kênh Km5 (Đoạn từ ngã tư Kênh Km2 đến bờ Bắc Kênh Km5); Hạng mục: Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	0,42	Long Sơn
30	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cụm, tuyến dân cư trên địa bàn xã Lê Chánh	0,009	Lê Chánh
31	Trụ sở công an phường Long Thạnh	0,09	Long Thạnh
32	Trụ sở công an phường Long Hưng	0,09	Long Hưng
33	Trụ sở công an phường Long Sơn	0,07	Long Sơn
34	Trụ sở công an phường Long Châu	0,08	Long Châu

VII. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC

Bảng 8: Danh mục các khu đất công đưa ra khai thác kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
1	Đất ở (cặp nhà ông Hiếu)	Tân An	852,70	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
2	Đất nền nhà Tuyến dân cư Long Hưng	P. Long Hưng	72,00	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
			72,00				
			72,00				
			72,00				
			67,50				
			72,00				
			72,00				
			79,50				
			80,00				
3	Đất nền nhà Khu hành chính Phú Lộc	Phú Lộc	75,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
			75,00				
			75,00				
			75,00				
			75,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			80,00				
			72,00				
			75,00				
			75,00				
			66,00				
			75,00				
			75,00				
			75,00				
			75,00				
			75,00				
			75,00				
4	Đất nền nhà Tuyến dân cư khắc phục ô nhiễm môi trường xã Vĩnh Xương	Vĩnh Xương	110,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
			100,00				
			100,00				
			100,00				
5	Đất nông nghiệp	Tân Thạnh	772,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
6	Đất nông nghiệp	Tân Thạnh	2.911,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
7	Đất nông nghiệp	Tân Thạnh	473,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
8	Đất nông nghiệp	Tân Thạnh	554,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
9	Khu đất vùng nuôi trồng thủy sản Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	420.000,00	NTS	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
10	Chợ nông sản	Phú Lộc	5.890,00	DCH	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
11	Đất công (cấp bờ kè giai đoạn 2)	Long Thạnh	115,90	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
12	Đất nông nghiệp Long Thạnh 3	Long Sơn	1.393,00	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
13	Đất bãi bồi	Châu Phong	29.790,00	TMD	Đất	Đất	Phù

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
					trống	sạch	hợp
14	Đất bãi bồi	Long An	19.518,00	NKH	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
15	Đất nông nghiệp	Long Phú	5.263,70	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
16	Đất bãi bồi ấp Tân Hậu B2	Long An	19.518,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
17	Đất nông nghiệp	Tân An	3.901,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
18	Đất nông nghiệp	Tân An	2.961,40	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
19	Đất nông nghiệp	Tân An	38.424,00	LUC	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
Tổng	19 khu đất		555.609,40				

VIII. DANH MỤC CÁC THỪA ĐẤT NHỎ HẸP ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2025

Bảng 9: Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp đưa ra khai thác kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
1	Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Ngân hàng - Phạm Hùng)	P. Long Thạnh	19,60 20,30	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
2	Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Phạm Hùng - Trần Phú)	P. Long Thạnh	12,20 12,20 18,00 24,70 14,60 16,20 14,60 16,20	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
3	Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương (Trần Phú - ranh Long Phú)	P. Long Thạnh	8,30 19,00 13,50 23,10 33,80	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
			26,60				
			23,60				
			20,10				
			28,90				
			17,60				
			20,80				
			29,00				
			15,60				
			21,60				
			25,90				
			24,60				
			16,30				
4	Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Công Nhân (Suốt đường)	P. Long Hưng	15,50	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
			9,90				
			11,30				
			12,40				
			11,40				
			24,90				
			20,10				
			12,80				
			13,50				
5	Đất hẻm ở đô thị tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định (Suốt đường)	P. Long Hưng	11,40	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
			16,60				
			15,10				
			24,70				
			14,50				
			23,70				
			28,30				
			12,80				
			15,20				
			22,30				
			25,90				
			13,70				
			15,90				
			23,60				
			20,40				
			30,90				
			33,60				
			30,50				
			21,90				
Tổng	05 khu đất (68 thửa đất)		1,494,60				

IX. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2024

9.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2025 thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang trên cơ sở như sau:

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang;
- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định và Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang;
- Phương án lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu.

9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán thu, chi liên quan đến đất đai dựa trên bảng giá đất của tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025 (giá các loại đất mang tính bình quân) và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch.

Bảng 10: Dự trù thu, chi liên quan đến đất đai trong kỳ kế hoạch năm 2025

Hạng mục	Số lượng (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu			136,04
1/ Thu từ đất ở			132,32
- Giao đất ở tại nông thôn	6,21	543.000	33,72
- Giao đất ở tại đô thị	2,97	3.320.000	98,60
2/ Thu từ cho thuê đất			0,00
- Cho thuê làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,16	2.324.000	3,72
II. Các khoản chi (Thu hồi đất)			50,74
- Đất ở tại đô thị	1,49	3.320.000	49,47
- Đất trồng lúa	0,08	135.000	0,11
- Đất trồng cây lâu năm	0,58	158.000	0,92
- Đất nuôi trồng thủy sản	0,18	135.000	0,24
III. Cân đối thu chi (III=I-II)			85,31

Trên đây là dự kiến thu, chi từ đất dựa trên khung giá hiện tại và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm kế hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

PHẦN IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Giải pháp cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, hạn chế sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, áp dụng các biện pháp sinh học vào sản xuất, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý. Đối với các tiểu vùng có đề bao kiểm soát triệt để cần định kỳ xả lũ nhằm cải tạo và tăng độ phì cho đất.

- Có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán dọc theo các tuyến đường giao thông, kênh, mương, khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như nông thôn; hạn chế và chấm dứt tình trạng dân sống rải rác tự phát không theo quy hoạch.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý môi trường trong cụm công nghiệp, khu đô thị; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị theo sự phân cấp và ủy quyền của bộ máy quản lý môi trường; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Sớm xây dựng và ban hành quy chế, nội quy về bảo vệ môi trường; nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngoài việc bảo đảm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp ngay trong quá trình đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp cần phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn qua hệ thống thu gom và xử lý tập trung đạt quy chuẩn.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường với Ban quản lý. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường có thể đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được tình trạng chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ môi trường phục vụ cho các hoạt động của các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Kiên quyết di dời toàn bộ nhà máy, xí nghiệp sản xuất gây ô nhiễm ra xa khu dân cư.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

1.2. Giải pháp về ứng phó biến đổi khí hậu

- Thực hiện các công trình, dự án kế hoạch đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, đảm bảo kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp,... đảm bảo các tiêu chí khung về bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ.

- Đối với các vùng đất chuyên trồng lúa có quy mô lớn, tiến hành khoanh định vùng bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ chuyển những vùng có năng suất thấp, kém hiệu quả và để thực hiện các công trình trọng điểm, các tuyến giao thông huyết mạch.

- Không quy hoạch, bố trí các dự án, dân cư ở những nơi có nguy cơ cảnh báo sạt lở trên địa bàn thị xã (căn bản ổn định hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực này) và tiến tới xây dựng phương án bố trí di dời về nơi an toàn.

- Đảm bảo phân bổ đủ quỹ đất để thực hiện các công trình đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, phát triển du lịch, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, các dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn 5 năm (2021 - 2025).

- Cân đối, bố trí đầy đủ quỹ đất để thực hiện các công trình, dự án theo các chủ trương, chính sách lớn của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, thị xã đảm bảo quốc phòng, an ninh và các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp, du lịch và các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất cho phù hợp đặc thù của thị xã là vẫn giữ được lợi thế về sản xuất lương thực, đồng thời phải đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả ngay trong mùa nước nổi.

- Bố trí quy hoạch thành các tiểu vùng gắn với yêu cầu đầu tư thủy lợi để sản xuất 03 vụ, 02 vụ, các vùng chuyên canh, vùng sản xuất nông sản hàng hoá, vừa đảm bảo tiêu thụ nội địa vừa đảm bảo yêu cầu xuất khẩu. Nâng dần giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp sao cho cao hơn mức bình quân toàn vùng đồng thời với nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phù hợp với quy hoạch thủy lợi vùng cù lao, gắn chặt với phát triển dân cư và giao thông nông thôn, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong sử dụng đất, đặc biệt đối với các vùng bao đê kiểm soát lũ triệt để.

- Thực hiện đúng quy hoạch bố trí các khu, cụm dân cư theo phương án kế hoạch sử dụng đất để giải quyết dứt điểm nhà ngập lũ, nhà tạm bợ, nhà vi phạm hành lang sông, kênh, rạch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai về kế hoạch sử dụng đất đến các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về đất đai các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

- Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất, trước hết là công tác lập kế hoạch sử dụng đất phải đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để đảm bảo kế hoạch sử dụng đất mang tính khả thi cao, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã và bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã, phường trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

3.1. Giải pháp về công tác quản lý

- Tổ chức công bố công khai và rộng rãi toàn bộ phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm

tăng cường tính minh bạch trong trao đổi, sử dụng thông tin quy hoạch được duyệt, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thực hiện nghiêm phương án kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý sử dụng đất. Lấy kế hoạch làm căn cứ để kế hoạch hóa việc sử dụng đất của các cấp, các ngành.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi của phương án; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt như cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án, đặc biệt là các dự án chậm triển khai.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã; thực hiện tốt việc phân cấp, phân nhiệm, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, của các cá nhân, đặc biệt là của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin trong việc quản lý và cập nhật chính lý các biến động về kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để các tổ chức, người dân nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Khi phương án kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt cần thực hiện tốt công tác bồi hoàn và giải phóng mặt bằng. Đồng thời, thực hiện cấm mốc xác định ranh giới sử dụng đất, tránh tình trạng sử dụng đất chồng chéo, lấn chiếm quỹ đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

- Thực hiện điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường đào tạo nghề để giúp người dân bị mất đất chuyển đổi nghề, phát triển ngành nghề được xem là thế mạnh của địa phương nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giải quyết việc làm cho nguồn lao động tại địa phương.

3.3. Giải pháp về vốn đầu tư

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách các cấp đầu tư, địa phương cần tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng,... trên cơ sở phát huy truyền thống tích cực của quần chúng nhân dân.

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá.

- Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

- Khai thác hiệu quả các khu đất công, đất nhỏ hẹp để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất.

3.4. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Tăng cường trang thiết bị, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ trong việc quản lý, giám sát và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai.

- Tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại nhằm góp phần vào sự phát triển bền vững, lâu dài của địa phương.

- Tăng cường đầu tư, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất góp phần tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Để công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất của địa phương đi vào nề nếp và có chiều sâu cần phải có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Theo đó, thị xã cần phải:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được duyệt; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất cho phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất của thị xã.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Tân Châu được xây dựng dựa trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ; Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của thị xã Tân Châu và được lập dựa theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu đã gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu được xây dựng trên cơ sở dữ liệu và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp từ các phòng, ban cũng như trên địa bàn từng xã, phường; các thông tin và nhu cầu sử dụng đất đã thu thập được điều tra đến từng công trình và được cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cùng giai đoạn quy hoạch nên các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, có hiệu quả cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý của đất đai đối với công tác quản lý thống nhất của nhà nước về đất đai. Đây là căn cứ để tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất tối ưu cho chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thị xã và của tỉnh. Đặc biệt, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng tốt cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị xã.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND thị xã Tân Châu kiến nghị:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Tân Châu” làm cơ sở cho UBND thị xã triển khai thực hiện kế hoạch được duyệt theo đúng quy định, nhằm sử dụng đất hiệu quả, đảm bảo tốt vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của kế hoạch, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
I. SỰ CẦN THIẾT	1
II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU.....	1
2.1. Mục đích.....	1
2.2. Yêu cầu	1
III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	2
IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH.....	2
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	4
VI. BỐ CỤC BÁO CÁO.....	5
VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH	5
PHẦN I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.....	6
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6
1.1. Điều kiện tự nhiên.....	6
1.1.1. Vị trí địa lý.....	6
1.1.2. Địa hình, địa mạo	6
1.1.3. Khí hậu	6
1.1.4. Chế độ thủy văn.....	7
1.2. Các nguồn tài nguyên	7
1.2.1. Tài nguyên đất.....	7
1.2.2. Tài nguyên nước.....	7
1.2.3. Tài nguyên khoáng sản	8
1.2.4. Tài nguyên nhân văn.....	8
1.3. Thực trạng môi trường.....	9
1.3.1. Thực trạng môi trường ở các đô thị và các khu dân cư tập trung	9
1.3.2. Thực trạng môi trường nông thôn.....	10
1.3.3. Thực trạng môi trường ở các khu vực sản xuất cụm công nghiệp tập trung...	10
1.3.4. Thực trạng môi trường ở các khu vực đê bao kiểm soát lũ	10
1.3.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường	11
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.....	11
1.4.1. Thuận lợi.....	11
1.4.2. Khó khăn.....	12
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	13

2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	13
2.1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	13
2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	13
2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	14
2.2.1. Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	14
2.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng	14
2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập.....	17
2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	18
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội	19
2.6. Đánh giá chung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	23
PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	25
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	25
1.1. Đất nông nghiệp	28
1.3. Đất chưa sử dụng	31
1.4. Đánh giá chung	31
II. DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2024.....	32
2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024	32
2.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp	33
III. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2024	35
3.1. Kết quả khai thác.....	35
3.2. Đánh giá chung	35
3.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp	36
IV. DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2024.	36
4.1. Kết quả khai thác.....	36
4.2. Đánh giá chung	37
4.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp	37
V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	37
5.1. Những mặt đạt được	37
5.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	40
5.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	40
5.4. Giải pháp và kiến nghị	41
PHẦN III KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	42
1.1. Đất nông nghiệp	44

1.2. Đất phi nông nghiệp.....	45
1.3. Đất chưa sử dụng	48
II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC	49
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	49
2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	51
III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	53
3.1. Đất nông nghiệp	53
3.2. Đất phi nông nghiệp.....	55
IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	61
V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI.....	61
VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....	62
VII. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC	64
VIII. DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP ĐƯA RA KHAI THÁC NĂM 2025...	66
IX. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2024	68
9.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	68
9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	68
PHẦN IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	70
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	70
1.1. Giải pháp cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	70
1.2. Giải pháp về ứng phó biến đổi khí hậu.....	71
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	72
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	72
3.1. Giải pháp về công tác quản lý.....	72
3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách.....	73
3.3. Giải pháp về vốn đầu tư	74
3.4. Giải pháp về khoa học - công nghệ	74
3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện	74
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	76
I. KẾT LUẬN.....	76
II. KIẾN NGHỊ.....	76